

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường: số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh tại các Nghị quyết: số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024; số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; số 2598/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; số 214/QĐ-UBND ngày 12/01/2024; số 4179/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 về việc phê duyệt, điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất trong Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; số 1505/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thị xã Nghi Sơn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 162/TTr-SNNMT ngày 09/4/2025 (kèm theo hồ sơ có liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng diện tích		45.560,99
1	Đất nông nghiệp	NNP	29.211,21
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15.658,24
3	Đất chưa sử dụng	CSD	691,53

(Chi tiết theo Phụ biểu số I đính kèm)

2. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		128,65
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	128,65

(Chi tiết theo Phụ biểu số II đính kèm)

3. Kế hoạch thu hồi các loại đất

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.691,38
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	301,39

(Chi tiết theo Phụ biểu số III đính kèm)

4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.750,21
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	518,63
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	258,17

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	122,31
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	61,43
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	683,30
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	71,85
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT/PNN	
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	34,52
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		55,33

(Chi tiết theo Phụ biểu số IV đính kèm)

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025: Chi tiết theo Phụ biểu số V đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân thị xã Nghi Sơn.

a) Tổ chức thực hiện và công bố, công khai hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn; đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về xác định ranh giới, chỉ tiêu của từng loại đất; không gian kế hoạch sử dụng đất; công khai diện tích bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất đã được xác định trong kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng

phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để báo cáo Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận theo thẩm quyền và quy định của pháp luật làm căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất của thị xã

d) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai; quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về sử dụng đất; kiên quyết không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất theo thẩm quyền đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

e) Chủ động cân đối, bố trí, huy động các nguồn lực để thực hiện hiệu quả điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của huyện. Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục triệt để tình trạng bỏ hoang đất đã giao và đã cho thuê. Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quỹ đất được quy hoạch phát triển đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đúng kế hoạch sử dụng đất, khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất giữa đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

f) Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo và đánh giá cụ thể kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh: về tính chính xác, đúng pháp luật trong nội dung thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch này; về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu số liệu liên quan đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn, sự phù hợp với hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, với chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng của từng loại đất, loại rừng trong năm kế hoạch sử dụng đất được thẩm định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện; kiên quyết không giải quyết hoặc tham mưu giải quyết việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của pháp luật.

b) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện, làm rõ những hạn chế, khó khăn, đề xuất các biện pháp khắc phục trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; UBND thị xã Nghi Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Huyện ủy, HĐND thị xã Nghi Sơn;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A stylized handwritten signature in blue ink, consisting of several loops and a long horizontal stroke at the bottom.

Lê Đức Giang

Phụ biểu số I. 1

Phân bổ diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Anh Sơn	Bình Minh	Các Sơn	Định Hải	Hải An	Hải Bình	Hải Châu	Hải Hà	Hải Hòa	Hải Lĩnh
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	29.211,21	796,53	252,86	2.881,45	2.311,19	347,54	52,80	403,08	582,54	294,38	526,43
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.170,88	313,55	82,99	808,79	291,22	174,01		85,57	3,83	145,31	118,88
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.485,07	291,71	43,82	744,94	291,22	157,02		85,57	3,83	82,06	109,97
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	685,82	21,84	39,17	63,85		16,99				63,25	8,91
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.403,15	72,71	38,34	131,41	67,37	66,49	1,33	10,67	5,95	36,57	74,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.070,81	45,41	58,99	139,68	155,80	42,87	12,46	16,01	0,54	92,35	172,62
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.108,32		21,77	265,71	827,49	58,60		57,61		6,71	160,79
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.094,04	364,61	41,33	1.525,33	952,72				561,04	8,37	
-	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	452,62			452,62							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.253,85	0,24	9,45	9,49	16,59	5,57	21,23	172,51	1,49	4,31	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT											
1.9	Đất làm muối	LMU	91,77						17,78	60,70	9,69		
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	18,40			1,04						0,75	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	15.658,24	279,03	324,64	692,80	320,28	276,54	889,69	481,51	608,11	417,57	291,66
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.427,46	101,91		247,19	75,46				69,68		
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.216,76		130,73			140,15	98,02	124,35		182,88	134,28
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,26	0,26	1,33	1,58	0,26	0,38	0,21	0,24	0,40	6,78	0,37
2.4	Đất quốc phòng	CQP	686,57		2,51	12,67		7,19	565,11	0,11	2,00	3,31	
2.5	Đất an ninh	CAN	8,25	0,12		0,22	0,12				0,51	3,25	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	229,83	6,86	11,47	13,47	6,72	7,33	7,31	4,88	1,65	24,94	5,92
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	44,33	0,88	1,13	3,73	0,65	0,79	0,83	1,18	0,47	5,14	1,95
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH											
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	14,69	0,10	0,27	0,17	0,24	0,17	0,10	0,20	0,09	3,78	0,28
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	102,07	1,66	5,71	4,63	1,39	4,09	5,52	1,95	1,09	10,69	1,81
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	59,01	4,22	4,36	4,16	4,44	2,28	0,86	0,97		2,83	1,85
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH											
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT											
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT											
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	9,73			0,79				0,57		2,50	0,03
2.7	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	4.802,96		31,47	31,28		29,05	60,70	16,25	372,26	44,54	48,14

[illegible]

Phụ biểu số I. 2

Phân bổ diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Hải Nhân	Hải Ninh	Hải Thanh	Hải Thượng	Mai Lâm	Nghi Sơn	Ngọc Lĩnh	Nguyên Bình	Ninh Hải	Phú Lâm
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	29.211,21	1.253,03	492,76	62,72	1.255,90	1.044,71	180,99	583,81	2.829,15	357,84	1.481,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.170,88	352,45	172,38	3,79	16,81	211,59		337,74	448,70	65,19	101,45
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.485,07	293,17	171,42	3,79	13,06	203,91		283,07	409,44	65,19	59,14
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	685,82	59,29	0,96		3,75	7,68		54,67	39,26		42,31
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.403,15	103,59	189,88	0,72	20,91	178,50	1,14	42,07	112,93	87,90	89,40
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.070,81	221,92	65,31	0,95	1,45	32,01	0,21	45,30	246,08	77,71	206,15
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.108,32	388,59	27,76	31,92	1,90	376,69	81,55	112,06	21,45	126,34	109,05
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.094,04	153,47	36,07	25,35	1.205,23	59,47	98,09	40,88	1.966,35		968,48
-	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	452,62										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.253,85	33,01	1,35		6,02	186,45		5,55	30,15	0,70	7,20
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT											
1.9	Đất làm muối	LMU	91,77				3,60						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	18,40							0,20	3,48		
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	15.658,24	295,10	453,80	184,40	1.474,93	1.230,21	134,03	271,24	477,33	253,37	430,46
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.427,46	88,40					27,17	121,37			69,81
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.216,76		237,64	86,09	133,47	166,60			125,48	107,19	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,26	0,89	1,41	0,37	0,35	0,48	0,25	0,35	1,11	0,71	0,55
2.4	Đất quốc phòng	CQP	686,57			1,40	14,19		2,29		27,18		3,26
2.5	Đất an ninh	CAN	8,25	1,68			0,94		0,04	0,12			0,12
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	229,83	10,08	12,46	3,98	4,37	3,31	1,59	4,49	19,15	5,83	6,50
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	44,33	2,78	2,03	0,80	1,00	0,33	0,11	1,40	4,58	1,07	1,47
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH											
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	14,69	0,84	0,40	0,19	0,11	0,24	0,13	0,25	4,71	0,24	0,22
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	102,07	4,09	7,47	1,88	2,02	2,74	0,72	1,87	7,24	2,51	1,42
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	59,01	2,37	2,36	1,11			0,26	0,97	2,62	1,26	3,24
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH											
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT											
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT											
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	9,73		0,20		1,24		0,37			0,75	0,15
2.7	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	4.802,96	1,30	13,88	18,86	979,13	815,10	80,36		17,94	16,85	209,21

Phụ biểu số I.3

Phân bổ diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14/ 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phú Sơn	Tân Dân	Tân Trường	Thanh Sơn	Thanh Thủy	Tĩnh Hải	Trúc Lâm	Trường Lâm	Tùng Lâm	Xuân Lâm
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	29.211,21	2.701,25	671,52	1.862,98	750,06	648,94	250,37	1.192,58	2.021,80	637,90	482,38
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.170,88	138,59	119,12	412,39	271,79	296,04	76,39	330,81	410,96	164,35	216,18
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.485,07	84,27	95,21	354,83	271,79	281,05	46,87	330,76	410,85	113,49	183,61
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	685,82	54,32	23,91	57,56		14,99	29,52	0,05	0,11	50,86	32,57
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.403,15	275,23	72,31	140,05	228,19	69,62	46,75	31,80	103,88	77,14	26,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.070,81	519,66	107,24	274,09	12,11	0,97	87,45	84,72	178,55	119,79	52,42
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.108,32		307,60					458,78	499,48	82,32	84,16
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.094,04	1.736,72	61,96	965,28	208,34			179,50	794,81	140,63	
-	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	452,62										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.253,85	23,02	3,29	66,28	29,63	282,31	39,79	106,96	34,12	53,67	103,48
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT											
1.9	Đất làm muối	LMU	91,77										
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	18,40	8,03		4,89							
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	15.658,24	738,07	272,81	1.722,84	182,07	298,39	262,99	349,14	1.024,62	545,15	475,48
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.427,46	87,64		136,36	52,15	77,05			186,43	86,84	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.216,76		130,71				147,10	107,01			165,05
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,26	0,37	0,44	0,51	0,59	0,48	0,32	0,21	0,48	0,49	0,10
2.4	Đất quốc phòng	CQP	686,57		0,16						44,19	1,00	
2.5	Đất an ninh	CAN	8,25	0,12		0,12	0,12	0,12			0,12	0,12	0,41
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	229,83	6,03	5,86	7,29	4,97	5,51	6,62	13,58	9,35	4,07	4,23
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	44,33	0,61	2,32	1,06	0,84	1,63	0,61	1,06	1,82	0,80	1,23
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH											
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	14,69	0,22	0,34	0,24	0,16	0,24	0,14	0,07	0,31	0,11	0,13
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	102,07	2,62	1,76	2,74	2,04	1,80	5,04	9,51	2,71	1,29	2,06
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	59,01	2,48	1,40	3,25	1,93	1,84	0,64	0,61	4,07	1,87	0,77
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH											
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT											
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT											
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	9,73	0,10	0,04				0,19	2,33	0,44		0,04
2.7	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	4.802,96	30,03	13,71	1.211,66	0,33	1,48	18,67	34,07	364,86	294,60	47,23

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14/ 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 14/ 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 14/ 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu số III. 2

Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn

(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Hải Nhân	Hải Ninh	Hải Thanh	Hải Thượng	Mai Lâm	Nghi Sơn	Ngọc Lĩnh	Nguyên Bình	Ninh Hải	Phú Lâm
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1.691,38	34,01	12,17	0,47	197,30	18,27	6,51	10,66	67,31	28,63	199,79
1.1	Đất trồng lúa	LUA	496,71	16,44	5,37	0,08	5,38	14,57		10,36	48,22	4,50	36,64
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	198,57	1,87	5,37	0,08	0,63	0,77		1,06	9,36	4,50	7,25
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	298,14	14,57			4,75	13,80		9,30	38,86		29,39
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	239,17	11,32	5,90	0,01	53,53	0,26	0,12		6,12	24,06	1,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	114,83	0,21	0,60	0,28	8,39	0,20	0,11	0,30	2,67	0,07	26,68
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	55,63										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	683,30	1,50	0,30	0,10	105,77	0,58	6,28		10,30		134,67
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	69,32	4,54			13,11	2,66					0,50
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT											
1.9	Đất làm muối	LMU	32,42				11,12						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH											
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	301,39	1,41	0,13		48,08	2,21	1,54	1,20	4,27	5,30	32,28
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	35,24	0,32						1,20			20,70
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	40,16				10,46	1,32			2,75	2,97	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,13										
2.4	Đất quốc phòng	CQP											
2.5	Đất an ninh	CAN											
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,76	0,25					0,04			0,08	

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu số IV. 1

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Anh Sơn	Bình Minh	Các Sơn	Định Hải	Hải An	Hải Bình	Hải Châu	Hải Hà	Hải Hòa	Hải Lĩnh
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.750,21	2,78	66,78	28,32	1,92	14,73		7,72	30,83	73,12	27,19
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	518,63	2,77	29,58	11,13	1,02	10,32		7,10	0,04	15,87	8,49
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	258,17		30,38	1,20	0,90	2,66		0,27	0,69	22,35	16,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	122,31	0,01	3,70	1,69		1,75		0,35	0,64	30,26	2,28
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	61,43									3,77	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	683,30		2,20	14,30					6,06	0,87	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	71,85		0,92								
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT/PNN											
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	34,52								23,40		
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp												
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP											
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP											
2.3	Chuyển đất phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP											
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP											
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR</i>											
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT											
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		55,33			1,80				0,30		1,17	3,29
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại	MHT/PNC	6,80			0,90				0,15		0,50	

[illegible]

Phụ biểu số IV. 2

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Hải Nhân	Hải Ninh	Hải Thanh	Hải Thượng	Mai Lâm	Nghi Sơn	Ngọc Lĩnh	Nguyên Bình	Ninh Hải	Phú Lâm
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.750,21	34,01	12,57	0,47	197,30	18,51	6,51	10,66	69,51	32,01	200,15
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	518,63	16,44	5,37	0,08	5,38	14,57		10,36	50,12	4,50	36,69
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	258,17	11,32	6,30	0,01	53,53	0,26	0,12		6,42	25,61	1,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	122,31	0,21	0,60	0,28	8,39	0,20	0,11	0,30	2,67	0,07	26,68
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	61,43									1,83	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	683,30	1,50	0,30	0,10	105,77	0,58	6,28		10,30		134,67
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	71,85	4,54			13,11	2,90					0,50
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT/PNN											
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	34,52				11,12						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp												
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP											
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP											
2.3	Chuyển đất phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP											
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP											
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR</i>											
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT											
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		55,33	1,52	0,26		5,20	0,89	3,00		2,00	1,12	5,50
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật Đất đai	MHT/PNC	6,80	0,76	0,13				1,50		1,00	0,11	
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OCT	7,03	0,76	0,13				1,50		1,00	0,11	

[illegible]

Phụ biểu số IV. 3

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 14/ 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phú Sơn	Tân Dân	Tân Trường	Thanh Sơn	Thanh Thủy	Tĩnh Hải	Trúc Lâm	Trường Lâm	Tùng Lâm	Xuân Lâm
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.750,21	35,45	40,88	485,34	2,26	4,56	8,08	14,82	81,14	182,29	60,30
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	518,63	14,67	15,35	99,21	0,20	0,33	0,67	14,18	11,82	112,85	19,52
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	258,17	0,14	24,01	29,75	0,85	3,77	5,76	0,64	7,48	2,45	3,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	122,31	2,55	0,46	19,97		0,46	1,25		8,23	6,25	2,95
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	61,43		0,66							55,17	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	683,30	18,09		327,27					52,02	2,99	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	71,85		0,40	9,14	1,21		0,40		1,59	2,58	34,56
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT/PNN											
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	34,52										
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp												
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP											
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP											
2.3	Chuyển đất phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP											
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP											
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR</i>											
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT											
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		55,33		0,50	14,08			0,28	0,05	0,27	11,00	3,10
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật Đất đai	MHT/PNC	6,80		0,11				0,14				1,50
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OCT	7,03		0,17				0,14				1,50

[illegible]

Phụ biểu số V

Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025, thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 14 / 4 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch									
1.1	Đất ở tại nông thôn									
1	Khu dân cư Sốc Mít thôn Hồng Kỳ	0,40	0,40		0,40	ONT	Xã Định Hải	Thửa đất số: 1095, 1166, 1180, 1179, 1178, 1249, 1248, 1251, 1252, 1250, 1176, 1172, 1171, 1177, 1170, 1169, 1168, 1167, 1093, 1094, tờ bản đồ số 3	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
2	Khu tái định cư số 01 tại xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp số 20 Khu kinh tế Nghi Sơn	3,66	3,66		3,66	ONT	Xã Các Sơn	Trích lục mảnh trích đo địa chính số 45/TL-MTĐĐC/2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn thực hiện ngày 05/8/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
3	Khu tái định cư số 02 tại xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp số 20 Khu kinh tế Nghi Sơn	6,98	6,98		6,98	ONT	Xã Các Sơn	Trích lục mảnh trích đo địa chính số 46/TL-MTĐĐC/2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn thực hiện ngày 05/8/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
4	Khu xen cư thôn 13, xã Ngọc Lĩnh	0,99	0,99		0,99	ONT	Xã Ngọc Lĩnh	Thửa đất số: 1917, 1564, 1563, 1587, 1588, 1654, 1653, 1652, 1680, 1681, 1682, 1728, 1906, 1727, 1726, 1755, 1756, 1757, 1810, 1809, 1841, 1840, 1881, 1882, 1883, 1884, 1885, 1886, 1887, 1830, 1838, 1837, 1836, 1814, 1811, 1752, 1753, 1754,	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								1729, 1730, 1679, 1678, 1677, 1655, 1656, 1585, 1586; Tờ bản đồ số 4		
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Đồng Tâm và thôn Khánh Vân	8,63	5,50		5,50	ONT	Xã Hải Nhân	Trích lục bản đồ địa chính số 10/TL-BĐĐC/2022, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn thanh hóa thực hiện, ngày 28/3/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			3,13		3,13	DGT				
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Thượng Nam	6,93	2,63		2,63	ONT	Xã Hải Nhân	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 20/TL-BĐĐC/2022, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn thực hiện ngày 29/4/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			4,30		4,30	DGT				
7	Hạ tầng Khu tái định cư xã Phú Lâm phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy điện mặt trời Thanh Hóa I	3,59	1,69		1,69	ONT	Xã Phú Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 50/TL-BĐTĐ/2024, do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 20/8/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			1,90		1,90	DGT				
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Đại Đồng	5,95	5,95		5,95	ONT	Xã Phú Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 30/TL-BĐĐC/2023, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 10/7/2023	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trường Sơn	4,56	2,50		2,50	ONT	Xã Tùng Lâm	Đo đạc bản đồ địa chính khu đất số 21/ĐĐCL-BĐHT-2023, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 02/6/2023	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			2,06		2,06	DGT				
10	Di dân, sắp xếp dân cư, tái định cư một số hộ dân thôn Lâm Quảng, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	4,60	4,60		4,60	ONT	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất xã Tân Trường	Nghị quyết số 493/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	Dự án chuyển tiếp
11	Khu dân cư và đường cứu hộ, cứu nạn tại đảo Nghi Sơn	36,03	16,21		16,21	ONT	Xã Nghi Sơn	Trích lục bản đồ số 18/TLBĐ, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	Dự án chuyển tiếp
			19,82		19,82	DGT	Xã Nghi Sơn			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								19/11/2020	Thanh Hoá	
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Trường An	3,37	3,37		3,37	ONT	Xã Trường Lâm	Trích lục bản đồ số 08/TL-BĐDC/2022, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 10/3/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
13	Thu hồi đất thôn Lâm Quảng bị ảnh hưởng bởi dự án Khu công nghiệp số 15	97,00	97,00		97,00	ONT, LUC, BHK, CLN, NTS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất xã Tân Trường	Nghị quyết số 493/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	Dự án chuyển tiếp
14	Hạ tầng khu tái định cư xã Phú Lâm phục vụ GPMB dự án Khu công nghiệp Đồng Vàng	5,96	5,96		5,96	ONT	Xã Phú Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 41/TLBĐ-2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 29/7/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
15	Hạ tầng khu tái định cư xã Tùng Lâm phục vụ GPMB dự án Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn	4,27	4,27		4,27	ONT	Xã Tùng Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 42/TLBĐ-2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 29/7/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
16	Khu tái định cư số 03 tại xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp số 20 Khu kinh tế Nghi Sơn	2,66	2,66		2,66	ONT	Xã Anh Sơn	Trích lục mảnh trích đo địa chính số 47/TL-MTĐĐC/2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 05/8/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
1.2	Đất ở tại đô thị									
1	Khu tái định cư thực hiện dự án Đô thị động lực	9,82	1,91		1,91	ODT	Phường Hải Hòa	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Xuân Lâm, phường Nguyên Bình, phường Ninh Hải, phường Hải Hòa, phường Bình Minh	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			0,61		0,61	ODT	Phường Xuân Lâm			
			1,72		1,72	ODT	Phường Nguyên Bình			
			2,62		2,62	ODT	Phường Ninh Hải			
			2,96		2,96	ODT	Phường Bình			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
							Minh			
2	Khu tái định cư phường Hải Châu phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ ven biển đoạn qua thị xã Nghi Sơn	1,58	1,18	1,30	0,10	ODT	Phường Hải Châu	Trích lục bản đồ vị trí khu đất số 01/TĐĐC-2022, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 04/01/2022	NNghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			0,40	0,40	0,00	DGT				
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Thanh Bình - Hòa Bình	1,88	1,88		1,88	ODT	Phường Hải Châu	Mảnh trích đo địa chính số 02/TĐĐC-2021 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 15/6/2021	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Hồng Phong (giai đoạn 2)	5,50	5,50		5,50	ODT	Phường Hải Ninh	Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01/TĐĐC-2021 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 04/3/2021	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố 1 và tổ dân phố 2	6,32	4,50		4,50	ODT	Phường Hải An	Mảnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 13/01/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			1,82		1,80	DGT				
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố Hồ Trung	3,85	1,20		1,20	DGT	Phường Tân Dân	Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 04/TĐĐC-2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 20/6/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			2,65		2,65	ODT				
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Hồ Thịnh, phường Tân Dân, thị xã Nghi Sơn	4,00	1,20		1,20	DGT	Phường Tân Dân	Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 04/TĐĐC-2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 20/6/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			2,80		2,89	ODT				
8	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tổ dân phố Đức Thành	4,76	3,26		3,26	ODT	Phường Ninh Hải	Mảnh Trích đo bản đồ địa chính khu đất số 02/TĐĐC-2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá phê duyệt ngày 26/9/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			1,50		1,50	DGT				
9	Khu dân cư tại phường Hải Hoà	42,22	22,29		22,29	ODT	Phường Hải	Trích lục bản đồ	Nghị quyết số	Dự án

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	(thuộc khu đất đối ứng thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hải Hoà-Bình Minh huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)		2,60		2,60	TMD	Hòa	địa chính khu đất số 27/TLBĐ/2020, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 11/01/2022	609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	chuyển tiếp
			2,50		2,50	MNC				
			14,83		14,83	DGT				
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Trung Chính	11,62	3,20		3,20	DGT	Phường Hải Hòa	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 336/TLBĐ/2021, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 11/6/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			8,42		8,42	ODT				
11	Khu tái định cư phường Nguyên Bình phục vụ GPMB Khu công nghiệp số 17	5,53	5,53	0,0003	5,47	ODT	Phường Nguyên Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 58/TL-BĐTĐ/2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 15/10/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
12	Hạ tầng kỹ thuật tổ dân phố Sơn Hải	4,12	1,50		1,50	DGT	Phường Bình Minh	Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 66/TL-TĐĐC/2021, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 30/9/2021	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			2,62		2,62	ODT				
13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Thanh Xuyên	1,39	1,14		1,14	ODT	Phường Hải Thanh	Trích lục số 51/TL-BĐĐC/2019, do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tĩnh Gia lập ngày 30/8/2019	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			0,25		0,25	DGT				
14	Khu tái định cư phường Xuân Lâm phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hải Hòa - Bình Minh, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	1,20	1,20		1,20	ODT	Phường Xuân Lâm	Trích lục bản đồ hiện trạng số 94/TL-BĐHT/2022, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 16/12/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Liên Vinh	4,80	1,50		1,50	DGT	Phường Tĩnh Hải	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 92/TL-BĐĐC/2021, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 25/11/2021	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			3,30		3,30	ODT				
16	Khu tái định cư xã Hải Hà tại Phường Hải Bình và Phường Xuân Lâm	67,00	48,80		48,80	ODT	Phường Xuân Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Xuân Lâm, Hải Bình	Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về	Dự án Chuyển tiếp
			18,20		18,20	ODT	Phường Hải			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
							Bình		việc chủ trương đầu tư	
1.3	Đất an ninh									
1	Cơ sở làm việc công an thị xã Nghi Sơn, thuộc công an tỉnh Thanh Hóa	3,69	2,26		2,26	CAN	Phường Hải Hòa	Trích lục số 12/TL-BDDC/2023, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 20/02/2023	Công văn số 880/CAT-PH10 ngày 05/04/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt vị trí thực hiện dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			1,43		1,43	CAN	Xã Hải Nhân			
2	Trụ sở công an xã Thanh Thủy	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Thanh Thủy	Thửa đất số: 103, 104, 107, 105, 106, 108, 109, 140, 141, 142, 98, 110, 111, 112, 113, 139, 138, 137, 136; Tờ bản đồ số 67	Văn bản số 236/CAT-PH10 ngày 22/01/2024 của Công an tỉnh về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024 của Công an tỉnh	Dự án chuyển tiếp
3	Trụ sở công an xã Các Sơn	0,22	0,22		0,22	CAN	Xã Các Sơn	Thửa đất số: 1919; tờ bản đồ số 10		
4	Trụ sở công an xã Anh Sơn	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Anh Sơn	Thửa đất số: 540,611,580,581; Tờ bản đồ số 15		
5	Trụ sở công an xã Hải Nhân	0,25	0,25		0,25	CAN	Xã Hải Nhân	Thửa đất số: 265, Tờ bản đồ 32, Bản đồ địa chính xã Hải Nhân	Văn bản số 236/CAT-PH10 ngày 22/01/2024 của Công an tỉnh về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024 của Công an tỉnh	Dự án chuyển tiếp
6	Trụ sở công an xã Định Hải	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Định Hải	Thửa đất số: 390, 391, 415, 416, 417, 341; Tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã Định Hải		
7	Trụ sở công an xã Hải Hà	0,41	0,41		0,41	CAN	Phường Xuân Lâm	Thửa đất số: 9,13,14,15,17,18; Tờ bản đồ số 35	Văn bản số 236/CAT-PH10 ngày 22/01/2024 của Công an tỉnh về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024 của Công an tỉnh	Dự án chuyển tiếp
8	Trụ sở công an xã Ngọc Lĩnh	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Ngọc Lĩnh	Thửa đất số: 277, 278, 275, 273, 274, 276, 279, 347, 348, 371, 346, 345, 344, 343, 342, 341, 340, 339, 338, tờ bản đồ số 08		
9	Trụ sở Công an Trường Lâm	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Trường Lâm	Thửa đất số: 16, 17, 35, 34, 36, 57, 73, 74, Tờ bản đồ số 86	Văn bản số 236/CAT-PH10 ngày 22/01/2024 của Công an tỉnh về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024 của Công an tỉnh	Dự án chuyển tiếp
10	Trụ sở Công an xã Phú Sơn	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Phú Sơn	Thửa đất số: 644, 636, 652, 655, 686, 678, 722, 695, 687, 703, 663, 653; tờ bản đồ số 56		
11	Trụ sở công an xã Tùng Lâm	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Tùng Lâm	Thửa đất số: 88, 89, 72, 101, 87, 73, 59, 58, 57, 70, 71, 59, 60, 72,	Văn bản số 236/CAT-PH10 ngày	Dự án chuyển

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								tờ bản đồ số 41	22/01/2024 của Công an tỉnh về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024 của Công an tỉnh	tiếp
12	Trụ sở công an xã Thanh Sơn	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Thanh Sơn	Thửa đất số: 35; tờ bản đồ số 16		
13	Trụ sở công an xã Nghi Sơn	0,04	0,04		0,04	CAN	Xã Nghi Sơn	Thửa đất số: 28; tờ bản đồ số 18		
14	Trụ sở công an xã Phú Lâm	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Phú Lâm	Thửa đất số: 729, 763, 720, 715, 707, 659, 687, 649, 679, 699; tờ bản đồ số 31	Văn bản số 236/CAT-PH10 ngày 22/01/2024 của Công an tỉnh về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024 của Công an tỉnh	Dự án chuyển tiếp
15	Trụ sở công an xã Tân Trường	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Tân Trường	Thửa đất số 33; tờ bản đồ số 147		
1.4	Công trình quốc phòng									
1	Công trình quốc phòng	1,10	1,10		1,00	CQP	Phường Hải Hòa	Thửa đất số: 1220, 1254, 1255, 1316, 1315, 1319, 1320, 1321, 1322, 1324, 1325, 1335, 1336, 1382, 1383, 1393, 1441, 1442, 1445, 1446, 1462, 1461, 1460, 1443, 1385, 1249, 1250, 1251, 1252, tờ bản đồ số 47	Quyết định số 10237/QĐ-UBND-NN ngày 16/07/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương dự án	Dự án chuyển tiếp
					0,10	DGT				
2	Công trình quốc phòng	4,90	4,90	2,39	2,51	CQP	Phường Bình Minh	Thửa đất số 4 Tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính phường Bình Minh	Công văn số 1097/BCH-TM ngày 10/03/2021 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa về việc đầu tư xây dựng trường bắn	Dự án chuyển tiếp
3	Công trình quốc phòng	0,48	0,48		0,48	CQP	Xã Hải Hà	Theo trích lục bản đồ địa chính khu đất số 843/TLBĐ, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 20/12/2022	Quyết định số 4980/QĐ-BTL ngày 03/12/2021 của Tư lệnh Bộ đội Biên Phòng phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân Trạm Biên phòng cửa khẩu cảng Hà Năm/ Ban Chỉ huy Biên phòng cảng Nghi Sơn	Dự án chuyển tiếp
4	Công trình quốc phòng	0,08	0,08		0,08	CQP	Phường Hải Hoà	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Hải Hoà	Công văn số 15283/UBND-KTTC ngày 11/10/2023. V/v điều chỉnh, bổ sung phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thị xã Nghi	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									Sơn quản lý.	
1.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo									
1	Mở rộng khuôn viên xây dựng sân thể chất của trường tiểu học Thanh Sơn	0,13	0,13		0,13	DGD	Xã Thanh Sơn	Thửa đất số: 187,190,188,189,216, 217,218,220,247 tờ bản đồ số 15	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
2	Mở rộng khuôn viên trường mầm non Ngọc Lĩnh	0,12	0,12		0,12	DGD	Xã Ngọc Lĩnh	Thửa đất số: 90,91,92... tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Ngọc Lĩnh	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
3	Mở rộng khuôn viên trường mầm non xã Hải Châu (nay là phường Hải Châu)	0,04	0,04		0,04	DGD	Phường Hải Châu	Chỉnh lý thửa đất số 496/ĐĐ-BĐDC/2020, do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 07/4/2020	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
4	Xây mới nhà lớp học 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Tân Trường	0,56	0,56		0,56	DGD	Xã Tân Trường	Mảnh trích đo địa chính số 08/TĐĐC-2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 10/7/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
5	Trường mầm non Tân Trường, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, hạng mục Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng; nhà 01 tầng 02 phòng học và các hạng mục phụ trợ	0,25	0,25		0,25	DGD	Xã Tân Trường	Mảnh trích đo địa chính số 08/TĐĐC-2024, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 10/7/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
1.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao									
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã Nghi Sơn	4,90	4,90		4,90	DTT	Phường Bình Minh	Mảnh trích đo địa chính số 03/TĐĐC-2024, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 10/7/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
2	Sân vận động xã Phú Lâm	0,76	0,76		0,76	DTT	Xã Phú Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 36/TL-BĐTD/2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								Nghi Sơn lập ngày 24/7/2024		
1.7	Đất khu công nghiệp									
1	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Luyện Kim Nghi Sơn (giai đoạn 3)	167,46	167,46		167,46	SKK	Phường Hải Thượng	Mảnh trích đo địa chính số: 03/TĐĐC, 04/TĐĐC, 05/TĐĐC, 06/TĐĐC, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 28/12/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
2	Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng KCN số 3	247,12	247,12	12,00	132,37	SKK	Xã Tùng Lâm	Tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Tùng Lâm; Tờ bản đồ số 54 bản đồ địa chính xã Tân Trường	Công văn đồng ý chủ trương đầu tư số 1635/TTg-KTN ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Dự án chuyển tiếp
					102,75	SKK	Xã Tân Trường			
3	Khu công nghiệp Đồng Vàng tại khu kinh tế Nghi Sơn	451,90	186,50		186,50	SKK	Xã Phú Lâm	Trích đo địa chính số 02/TĐĐC-2022; 03/TĐĐC-2022, 04/TĐĐC-2022, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 19/7/2022; Trích lục bản đồ số 556/TLBĐ, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 02/8/2022	Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 18/03/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
			140,40		140,40	SKK	Xã Tân Trường			
			125,00		125,00	SKK	Xã Tùng Lâm			
4	Nhà máy sản xuất vật liệu bảo ôn và tấm thạch cao Long Sơn	30,59	30,59		30,59	SKK	Xã Tân Trường	Trích lục bản đồ số 835/TLBĐ tỷ lệ 1/1000, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 22/12/2020	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
5	Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn	51,00	51,00		51,00	SKK	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Dự án chuyển tiếp
1.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản									
1	Xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp và đất, cát có hàm lượng SiO ₂ trung bình là 78,84% tại xã Phú Lâm	6,00	6,00		6,00	SKS	Xã Phú Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 388/TLBĐ, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 01/6/2022	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
2	Khai thác mỏ đất san lấp và thu	16,91	16,91		16,91	SKS	Xã Phú Sơn	Mảnh trích đo địa chính số	Nghị quyết	Dự án

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	hồi khoáng sản đi kèm							02/TĐĐC-2024, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 23/8/2022	số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	chuyển tiếp
3	Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	7,57	7,57		7,57	SKS	Xã Tân Trường	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 702/TLBĐ, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 09/9/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
4	Mỏ đá cát kết	20,66	11,77 8,89		11,77 8,89	SKS SKS	Xã Phú Lâm Xã Tân Trường	Đo đạc bổ sung thửa đất số 57/ĐĐBS/2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 09/10/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
5	Mỏ thăm dò, khai thác khoáng sản đất làm VLXD thông thường tại xã Tân Trường	30,08	38,08		38,08	SKS	Xã Tân Trường	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 816/TLBĐ, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 04/11/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
6	Khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng khu vực Tân trường 1, Tân Trường II thuộc xã Thanh Kỳ huyện Như Thanh và xã Tân Trường, thị xã Nghi sơn (phần nằm trên địa phận Nghi Sơn)	56,60	56,60		56,60	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
7	Khai thác đá sét làm nguyên liệu xi măng khu vực Thung Trườn, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn	102,94	102,94		102,94	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
8	Mỏ đất làm vật liệu san lấp	43,00	43,00		43,00	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
9	Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	17,38	17,38		17,38	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 29/01/2018	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
10	Mỏ đất làm vật liệu san lấp	6,17	6,17		6,17	SKS	Xã Trường Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 776/TLBĐ,	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày	Dự án chuyển

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 09/10/2024	14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	tiếp
1.9	Đất công trình giao thông									
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lựcTiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá (Diện tích bổ sung nút giao Tuyến 4 và QL1A)	0,28	0,01		0,01	DGT	Phường Hải Lĩnh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Hải Lĩnh	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			0,03		0,03	DGT	Phường Hải Lĩnh			
			0,01		0,01	DGT	Phường Ninh Hải	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Ninh Hải		
			0,23		0,23	DGT	Phường Ninh Hải			
2	Đường giao thông ven biển qua các địa phận các phường, xã thuộc Thị xã Nghi Sơn	34,81	11,00		11,00	DGT	Phường Hải Châu	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Châu, phường Hải Ninh, phường Hải An, phường Tân Dân, phường Hải Lĩnh	Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
			5,60		5,60	DGT	Phường Hải Ninh			
			5,50		5,50	DGT	Phường Hải An			
			5,60		5,60	DGT	Phường Tân Dân			
			7,11		7,11	DGT	Phường Hải Lĩnh			
3	Tuyến đường bộ ven biển đoạn từ phường Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2 (Tuyến 1)	41,14	8,74		8,74	DGT	Phường Hải Hòa	Tờ bản đồ số: 42, 45, 47, 48	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			0,94		0,94	DGT	Phường Xuân Lâm	Tờ bản đồ số: 02...84... 94...105,		
			20,34		20,34	DGT	Phường Bình Minh	Tờ bản đồ số: 3, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13		
			11,12		11,12	DGT	Phường Ninh Hải	Tờ bản đồ số: 03, 07, 08, 11, 12, 15, 16, 19, 20, 23, 24, 27, 28		
4	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực- tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia	11,60	4,50		4,50	DGT	Phường Bình Minh	Trích đo bản đồ số 01/TĐBĐ-2020, do Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 12/11/2020	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê	Dự án chuyển tiếp
			3,75		3,75	DGT	Phường Nguyên Bình			
			1,60		1,60	DTL	Phường Bình Minh			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
			1,75		1,75	DTL	Phường Nguyên Bình		duyet dự án đầu tư	
5	Tuyến đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - KKT Nghi Sơn (Tuyến 2)	8,66	3,61		3,61	DGT	Phường Bình Minh	Tờ bản đồ số 01,.09, 10,.15, bản đồ địa chính phường Bình Minh	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			5,05		5,05	DGT	Phường Nguyên Bình	Tờ bản đồ số 02,...15, 16, 17, 18, 21, 24, 25 bản đồ địa chính phường Nguyên Bình		
6	Cầu Đò Bè và đường đầu cầu	0,70	0,15		0,15	DGT	Phường Hải Thanh	Tờ bản đồ số 31, 36 bản đồ địa chính phường Hải Thanh	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			0,55		0,55	DGT	Phường Bình Minh	Tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính phường Bình Minh		
7	Xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 1A đi bãi biển Ninh Hải (Tuyến 4)	4,38	4,38		4,38	DGT	Phường Ninh Hải	Tờ bản đồ số: 02, 03, 04, 06, 07, 08 bản đồ địa chính phường Ninh Hải	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
8	Đầu tư xây dựng và vận hành Trạm dừng nghỉ Km366+850 (PT) và Km366+920 (TT) thuộc Dự án thành phần Quốc lộ 45 – Nghi Sơn trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông	10,44	10,44		10,44	DGT	Xã Phú Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Phú Sơn	Quyết định số 1523/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt và ủy quyền phê duyệt một số nội dung trong	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									Danh mục dự án đầu tư xây dựng và vận hành Trạm dừng nghỉ	
9	Cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn	15,75	15,75		15,75	DGT	Phường Hải Thượng, xã Hải Hà	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 1816/TLBĐ, do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 11/11/2013	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
10	Tuyến luồng bến 5,6 phục vụ dự án Cảng TH Quốc tế Nghi Sơn	12,37	12,37		12,37	DGT	Phường Hải Thượng, xã Hải Hà	Mảnh trích đo địa chính số 02/TĐĐC-2021, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 08/11/2021	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
11	Cải tạo, nâng cấp đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà nội - thành phố Hồ Chí Minh	3,85	1,58		1,58	DGT	Xã Tùng Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tùng Lâm, xã Tân Trường, xã Trường Lâm	Quyết định số 1517/QĐ-BGTVT ngày 14/8/2021 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 933/QĐ-BGTVT ngày 25/07/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư.	Dự án chuyển tiếp
			1,27		1,27	DGT	Xã Trường Lâm			
			1,00		1,00	DGT	Xã Tân Trường			
12	Đường Đông Tây 1 kéo dài - KKT Nghi Sơn	1,60	0,50		0,50	DGT	Phường Xuân Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Xuân Lâm, phường Trúc Lâm, phường Phú Lâm	Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương dự án; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án	Dự án chuyển tiếp
			0,60		0,60	DGT	Phường Trúc Lâm			
			0,50		0,50	DGT	Xã Phú Lâm			
13	Cảng tổng hợp Long Sơn	28,10	4,71		4,71	DGT	Xã Hải Hà	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 417/TLBĐ	Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 chấp thuận	Dự án chuyển
			14,50		14,50	DGT	Xã Nghi Sơn			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
			8,89		8,89	DGT	Phường Hải Thượng	tỷ lệ 1/2000, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 13/5/2024	chủ trương; Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 17/6/2020; Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 về việc điều chỉnh dự án đầu tư dự án (lần thứ 3); Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (lần thứ 4)	tiếp
14	Cảng container Long Sơn	76,00	0,05	75,95	0,05	DGT	Xã Hải Hà	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số, 497/TLBD tỷ lệ 1/5000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 06/6/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
15	Đường nối cao tốc Bắc-Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn (tuyến số 1)	34,22	34,22		3,16	DGT	Phường Hải An	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải An, phường Tân Dân, xã Ngọc Lĩnh, xã Anh Sơn, xã Các Sơn	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh phê duyệt dự án	Dự án chuyển tiếp
					6,82	DGT	Phường Tân Dân			
					10,63	DGT	Xã Ngọc Lĩnh			
					10,62	DGT	Xã Anh Sơn			
					2,99	DGT	Xã Các Sơn			
16	Đường nối cao tốc Bắc-Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn (tuyến số 2)	5,12	5,12		5,12	DGT	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt dự án	Dự án chuyển tiếp
17	Đường giao thông kết nối phục vụ đi lại của người dân xã Tân Trường khu vực bị ảnh hưởng bởi Dự án thành phần đầu tư	0,07	0,07		0,07	DGT	Xã Tân Trường	Thửa đất số: 4; tờ bản đồ số 172; thửa đất số: 111 tờ bản đồ số 175; thửa đất số 207, tờ bản đồ số	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	xây dựng đoạn Nghi Sơn- Diên Châu, thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc- Nam phía đông, giai đoạn 2017-2020							90.... Bản đồ địa chính xã Tân Trường		
18	Đường Đông Tây 4 - Khu kinh tế Nghi Sơn (đoạn từ QL 1A tại xã Trường Lâm - đường cao tốc Bắc nam	2,35	2,35		2,35	DGT	Xã Trường Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Trường Lâm	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
19	Đền biển Lạch Ghép	0,11	0,12		0,12	DGT	Phường Hải Ninh	Trích lục bản đồ số 40/TL-BĐĐC/2023, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 05/9/2023	Quyết định số 1869/QĐ-CHHVN ngày 22/12/2022 phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
20	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi Khu công nghiệp số 20	4,38	4,38		2,83	DGT	Phường Hải Lĩnh	Mảnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2024, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 26/9/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
					1,55	DGT	Xã Định Hải			
21	Đường giao thông từ Đồng Lách, xã Tân Trường đi KCN số 14	7,53	7,53		7,53	DGT	Xã Tân Trường	Mảnh trích đo địa chính số 10/TĐĐC-2024, tỷ lệ 1/2000 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt ngày 26/9/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND dân tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
22	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Khu công nghiệp số 17	9,74	9,74		9,74	DGT	Phường Nguyên Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 48/TLBĐ-2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 19/8/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
23	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.1A vào các khu công nghiệp phía Tây Nam đi mỏ Sét - Khu kinh tế Nghi Sơn	14,06	14,06		3,50	DGT	Phường Mai Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Mai Lâm; xã Tân Trường; xã Trường Lâm	Nghị quyết số 491/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
					4,60	DGT	Xã Tân Trường			
					5,96	DGT	Xã Trường Lâm			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
24	Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường Đông Tây 2	2,68	2,68		1,48	DGT	Phường Hải Bình	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Bình; phường Tĩnh Hải	Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
					1,20	DGT	Phường Tĩnh Hải			
25	Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường Đông Tây (đoạn nối đường Bắc Nam 3 với đường Bắc Nam 4)	2,96	2,96		2,96	DGT	Phường Tĩnh Hải	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Tĩnh Hải	Nghị quyết số 489/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
26	Xây dựng và hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển đoạn nối đường ĐT. 513 với các khu bến cảng phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn	6,63	6,63		6,63	DGT	Xã Hải Hà	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Hà	Nghị quyết số 490/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
27	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường 2B	2,36	2,36	1,34	0,48	DGT	Phường Hải Hoà	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 38/TL-BĐTD/2024, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 25/7/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
					0,55	DGT	Xã Hải Nhân			
28	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông đoạn từ nút giao đường BT với đường Lương Chí đến cầu Đò Bè	1,48	1,48	0,52	0,96	DGT	Phường Bình Minh	Mảnh trích đo địa chính số 04/TĐĐC-2024, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 12/7/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
29	Đầu tư xây dựng tuyến đường Hải Hòa - Bình Minh thị xã Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa theo hình thức TTP	23,77	4,32		4,32	DGT	Phường Bình Minh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Bình Minh	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư; Nghị quyết 132/NQ-HĐND ngày 1/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Dự án Chuyển tiếp
		5,75		5,75	DGT	DGT	Phường Nguyễn Bình	Tờ số 10,15 -bản đồ địa chính phường Nguyễn Bình		
		9,18		9,18	DGT	DGT	Phường Hải Hòa	Tờ số 01,...09, 10,...22, bản đồ địa chính phường Hải Hòa		
		4,52		4,52	DGT	DGT	Phường Xuân Lâm	Tờ số 3,4,5...15, bản đồ địa chính phường Xuân Lâm		

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
30	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Bắc Nam 3- Khu kinh tế Nghi Sơn	1,66	1,66		1,66	DGT	Phường Tĩnh Hải	Tờ bản đồ số 45,49,50,55, bản đồ địa chính phường Tĩnh Hải	Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	Dự án chuyển tiếp
1.10	Đất công trình thủy lợi									
1	Cải tạo kênh Than (DA đô thị động lực)	22,47	0,68		0,68	DTL	Phường Ninh Hải	Tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính phường Ninh Hải	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			9,88		9,88	DTL	Phường Hải Hòa	Tờ bản đồ số 41, 44, 47, bản đồ địa chính phường Hải Hòa năm 2018		
			11,52		11,52	DTL	Phường Bình Minh	Tờ bản đồ số 01,02, bản đồ địa chính phường Bình Minh		
			0,39		0,39	DTL	Phường Hải Thanh	Tờ bản đồ số 31,32,35,36,41 bản đồ địa chính phường Hải Thanh		
2	Cải tạo kênh Cầu Trắng (DA đô thị động lực)	22,71	8,21		8,21	DTL	Xã Hải Nhân	Tờ bản đồ số 35, 41, 45, bản đồ địa chính Hải Nhân	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			3,53		3,53	DTL	Phường Hải Hòa	Tờ bản đồ số 13,17,23,27,28,31,32, 36 - BĐ TT Tỉnh Gia 2019		
			2,20		2,20	DTL	Phường Nguyên Bình	Tờ bản đồ số 38, 43, 44, bản đồ địa chính phường Nguyên Bình		
			8,77		8,77	DTL	Phường Bình Minh	Tờ bản đồ số 1,2,3,4 bản đồ địa chính phường Bình Minh		
3	Hạng mục thoát nước công KM381+310 đoạn qua xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 Đoạn KM368+400 (Nghi Sơn) - KM 402+330 (cầu Giát) tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An theo hình thức BOT	0,18	0,18		0,18	DTL	Xã Trường Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Trường Lâm	Quyết định số 250/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Quyết định số 21257/QĐ-LĐ ngày 01/11/2022 của liên doanh tập đoàn CIENCO4 - tổng cty 319 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	Dự án chuyển tiếp
4	Hệ thống thoát nước sông Yên Hòa đoạn từ đập hồ Khe Ai	1,68	1,60		1,60	DTL	Phường Hải Thượng	Từ tờ bản đồ số 12, 13 bản đồ địa chính phường Hải Thượng	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày	Dự án chuyển

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	tiếp
5	Kè chống sạt lở và nạo vét tiêu hóa thoát lũ KKT trọng điểm Nghi Sơn (Hạng mục hồ Thượng Hòa)	41,00	41,00	39,00	2,00	DTL	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Trường Lâm	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
6	Kè chống sạt lở và nạo vét tiêu hóa thoát lũ KKT trọng điểm Nghi Sơn (Hạng mục điều chỉnh tuyến)	7,85	7,85		7,85	DTL	Xã Trường Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Trường Lâm	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
7	Sửa chữa nâng cấp hồ Hao Hao, thị xã Nghi Sơn	3,10	3,10		3,10	DTL	Xã Hải Nhân	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Nhân	Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 và số 3072/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh phê duyệt phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển sang năm 2023 (đợt 2)	Dự án chuyển tiếp
					1,60	DTL	Xã Định Hải	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Định Hải		
8	Đầu tư hệ thống thoát nước cho các khu công nghiệp phía Đông Bắc (Kênh Cầu Cứu và kênh Núi Cốc) – Khu kinh tế Nghi Sơn	9,50	9,50		9,50	DTL	Phường Mai Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Mai Lâm	Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
9	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Thị Long đoạn K10+407 ÷ K12+507	3,34	3,30	1,80	0,33	DTL	Xã Thanh Thủy	Mảnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 26/9/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
					1,21	DTL	Xã Thanh Sơn,			
10	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,50m) đến cao trình (20,36m)	142,50	142,50		142,50	DTL	Xã Phú Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 498/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
1.11	Đất công trình xử lý chất thải									
1	Trạm xử lý nước thải	2,14	2,14		2,14	DRA	Phường Bình Minh	Tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính Bình Minh	Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 19/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									trương đầu tư; Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	
2	Trạm xử lý nước thải và điểm tập kết chất thải rắn tại xã Nghi Sơn	0,28	0,28		0,28	DRA	Xã Nghi Sơn	Trích lục bản đồ số 24/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 13/01/2023	Quyết định số 3112/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dự án chuyển tiếp
1.12	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng									
1	Đường dây 500KV Quỳnh Lưu - Thanh Hoá	29,41	29,41	5,75		DNL	Xã Trường Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 01/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
				10,93		DNL	Xã Tân Trường			
				4,35		DNL	Xã Phú Lâm			
				7,61		DNL	Xã Phú Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất		
				0,77		DNL	Xã Các Sơn			
2	Khu phát triển GAS&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu tại KKT Nghi Sơn	29,39	29,39	29,27	0,12	DNL	Phường Hải Thượng (Xã Hải Yên cũ)	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 501/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 04/9/2019	Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	Dự án chuyển tiếp
3	Trạm biến áp 220Kv khu kinh tế Nghi sơn và đường dây đầu nối	14,98	14,98		14,98	DNL	Phường Hải Thượng	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Mai Lâm; phường Hải Thượng	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
					0,58	DNL	Phường Mai Lâm			
4	Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV TBA 220kV Nông Công-TBA 220kV Nghi Sơn và nhánh rẽ, tỉnh Thanh Hóa	1,64	0,04		0,04	DNL	Xã Các Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Các Sơn, xã Phú Sơn, xã Phú Lâm, xã Tùng Lâm, xã Tân Trường, xã Trường Lâm	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			0,79		0,79	DNL	Xã Phú Sơn			
			0,14		0,14	DNL	Xã Phú Lâm			
			0,07		0,07	DNL	Xã Tùng Lâm			
			0,24		0,24	DNL	Xã Tân Trường			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
			0,35		0,35	DNL	Xã Trường Lâm			
5	Xuất tuyến 110Kv sau trạm biến áp 220Kv Khu kinh tế Nghi Sơn	1,38	1,08		1,08	DNL	Phường Hải Thượng	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Thượng, phường Mai Lâm, phường Tĩnh Hải	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
			0,20		0,20	DNL	Phường Mai Lâm			
			0,10		0,10	DNL	Phường Tĩnh Hải			
6	Nhánh rẽ ĐZ 110kv cấp điện Trạm biến áp 110Kv TNXM Long Sơn	0,75	0,75		0,75	DNL	Phường Hải Thượng	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Thượng	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
7	Xây dựng xuất tuyến 22kV lộ 476, 472, 474 sau TBA 110kV tỉnh Gia 2	0,06	0,06		0,06	DNL	Phường Nguyên Bình; Phường Trúc Lâm; Phường Xuân Lâm; Xã Tùng Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Nguyên Bình, phường Xuân Lâm, phường Trúc Lâm, xã Tùng Lâm.	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
8	Xây dựng và cải tạo lưới điện trung áp TX Nghi Sơn - tỉnh Thanh Hoá	0,06	0,06		0,06	DNL	Phường Nguyên Bình; Phường Trúc Lâm; Phường Xuân Lâm; Xã Tùng Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Nguyên Bình, phường Trúc Lâm, phường Xuân lâm, xã Tùng Lâm	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
1.13	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt									
1	Đầu tư mở rộng nghĩa trang nhân dân	5,78	5,78		5,78	NTD	Phường Ninh Hải, phường Hải Hoà	Mảnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 26/9/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
2	Nghĩa trang nhân dân thị xã Nghi Sơn (Giai đoạn 2)	16,57	16,57		13,83	NTD	Phường Nguyên Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 35/TL-	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án chuyển tiếp
					2,73	DGT				

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								BĐTĐ/2024 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 23/7/2024; Mảnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 10/7/2024		
1.14	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn quyền sử dụng đất									
1.14.1	Đất thương mại, dịch vụ									
1	Khu tổ hợp dịch vụ, chăm sóc sức khỏe Thiên Long	0,90	0,90		0,90	TMD	Phường Hải Châu	Trích lục chính lý bản đồ số 30/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tĩnh Gia lập ngày 26/5/2017	Quyết định số 1753/UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh đồng ý cho phép gia hạn	Dự án chuyển tiếp
2	Khu bãi đỗ xe và kho hàng hoá Hồ Thành	0,90	0,90		0,90	TMD	Phường Hải Hòa	Thửa đất số: 162, 169, 193, 192, 170, 171, 191, 190, 203, 204, 205, 202 Tờ bản đồ số 41, bản đồ địa chính phường Hải Hoà	Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
3	Cửa hàng xăng dầu Hải Ninh	0,40	0,40		0,40	TMD	Phường Hải Ninh	Thửa đất số: 226, 252, 253, 254, 296, 228, 230, 251, 250, 249, 255, 256, 257, 294. Tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính phường Hải Ninh	Quyết định số 5515/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng Phú Thịnh Phát	20,00	13,74		2,03	DGT	Phường Hải An	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Hải An và Tân Dân	Quyết định số 1753/QĐ-UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh đồng ý cho phép gia hạn thời gian hoàn thành	Dự án chuyển tiếp
				6,26	6,71	TMD	Phường Tân Dân			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
					5,00	DGT	Phường Tân Dân			
5	Khu đô thị sinh thái T&T	82,82	82,82	65,32	7,00	TMD	Phường Tân Dân	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Tân Dân	Quyết định số 3943/QĐ-UBND ngày 18/09/2020 điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
					3,86	DGT	Phường Tân Dân			
					6,64	ODT	Phường Tân Dân			
6	Khu du lịch sinh thái Nghi Sơn	11,80	11,80		11,80	TMD	Phường Hải Lĩnh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Lĩnh	Quyết định số 1753/QĐ-UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh đồng ý cho phép gia hạn thời gian hoàn thành	Dự án chuyển tiếp
7	Khu sinh thái tổng hợp Tuấn Hiền	1,93	1,93		1,93	TMD	Phường Hải Lĩnh	Trích lục bản đồ số 23/TL-BĐĐC/2020, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 30/11/2020	Quyết định số 1753/UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh đồng ý cho phép gia hạn	Dự án chuyển tiếp
8	Khu du lịch Golden Coast Resort Hải Hoà	11,04	11,04		11,04	TMD	Phường Hải Hoà	Trích đo bản đồ số 01/TĐBĐ-2017 tỷ lệ 1/1000 do Sở Tài nguyên Môi trường Thanh Hoá phê duyệt ngày 08/03/2017	Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương dự án	Dự án chuyển tiếp
9	Khu sinh thái và dịch vụ tại phường Hải Hòa	0,39	0,39		0,39	TMD	Phường Hải Hòa	Trích lục bản đồ số 16/TLBĐ, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 16/11/2020	Quyết định số 1753/UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa đồng ý gia hạn thời gian	Dự án chuyển tiếp
10	Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao kết hợp nghỉ dưỡng Bình Minh	1,94	0,76		0,76	TMD	Phường Bình Minh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Bình Minh	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
			1,18		1,18	TMD	Phường Bình Minh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Bình Minh		
11	Cửa hàng xăng dầu Bình Minh	0,34	0,34		0,34	TMD	Phường Bình Minh	Trích lục bản đồ số 714/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 27/10/2022	Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
12	Khu thương mại hợp lực tại Khu kinh tế Nghi Sơn	1,80	1,80	1,00	0,80	TMD	Phường Nguyên Bình	Thửa đất số 101,102,103,104,75,76,77,78.... tờ bản đồ số 45 bản đồ địa chính Nguyên Bình	Quyết định số 4643/QĐ UBND ngày 07/12/2023 về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ, thủ tục dự án	Dự án chuyển tiếp
13	Đất thương mại dịch vụ (Khu dịch vụ thương mại - Y tế Nghi Sơn)	1,00	1,00		1,00	TMD	Phường Nguyên Bình	Trích lục bản đồ số 46/TLBĐ tỷ lệ 1/1000 ngày 15/03/2020 do Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn thực hiện	Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
14	Đất thương mại dịch vụ	0,40	0,40		0,40	TMD	Phường Nguyên Bình	Thửa đất số: 169, 196, 198. Tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính Nguyên Bình	Công văn số 3930/UBND-DMDN ngày 29/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh	Dự án chuyển tiếp
15	Cửa hàng xăng dầu phường Trúc Lâm	0,74	0,74		0,74	TMD	Phường Trúc Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Trúc Lâm	Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
16	Cửa hàng xăng dầu Trúc Lâm	0,41	0,41		0,41	TMD	Phường Trúc Lâm	Thửa đất số: 2, 3, 4, 5, 35 Tờ bản đồ số 106, bản đồ địa chính phường Trúc Lâm	Công văn số 3863/UBND-KTTC ngày 24/06/2011 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương; Quyết định số 1753/QĐ-UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ các dự án	Dự án chuyển tiếp
17	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp	2,20	2,20		2,20	TMD	Phường Trúc Lâm	Trích lục bản đồ số 396/TLBĐ do Văn phòng Đăng Ký đất đai	Công văn số 1753/UBND-THKH ngày 09/02/2022 của	Dự án chuyển

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								Thanh Hoá lập ngày 03/6/2022	UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ, thủ tục thực hiện các dự án dự án	tiếp
18	Cửa hàng xăng dầu Tân Bình-Phú Lâm	0,36	0,36		0,36	TMD	Xã Phú Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 386/TLBĐ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 31/5/2022	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Dự án chuyển tiếp
19	Trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp Nam Thanh Bắc Nghệ tại Khu kinh tế Nghi Sơn	0,40	0,40		0,40	TMD	Phường Tĩnh Hải	Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29; thửa 1,2,3,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15, 16,19,20, tờ bản đồ số 28, bản đồ địa chính xã Tĩnh Hải	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
20	Cửa hàng xăng dầu Nghi Sơn - Bãi Trành	0,31	0,01		0,01	TMD	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tùng Lâm và Tân Trường	Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 28/03/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			0,30		0,30	TMD	Xã Tùng Lâm			
21	Khu dịch vụ tổng hợp Đắc Tài	0,76	0,05		0,05	TMD	Xã Tân Trường	Trích lục bản đồ số 780/TLBĐ, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa phê duyệt ngày 18/11/2020	Quyết định số 4621/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh thanh hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Dự án chuyển tiếp
			0,71		0,71	TMD	Xã Tùng Lâm			
22	Khu dịch vụ thương mại tại phường Mai Lâm	0,24	0,24		0,24	TMD	Phường Mai Lâm	Thửa đất số: 67, 68, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 46, 54, tờ bản đồ số 28, bản đồ địa chính phường Mai Lâm	Văn bản số 3098/UBND-THKH ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian hoàn thành dự án	Dự án chuyển tiếp
23	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 65	0,45	0,45		0,45	TMD	Phường Xuân Lâm	Thửa đất số: 32, 33, 34, 37, 19, 18, 17, 16, 6, 7, 8, 11, 12, 10, 9, 15, 179, 181, 36; Tờ bản đồ số 72: Thửa đất số: 95, 96, 107, 108, 116, 115, 121, 125, 106, 117, 105, 120; Tờ bản đồ số 64	Công văn số 6253/UBND-KTTC ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh về việc di chuyển Petrolimex-Cửa hàng 65, phường Nguyễn Bình của Công ty xăng dầu Thanh Hóa - Công ty TNHH	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
24	Khu tổ hợp dịch vụ Asean tại khu kinh tế Nghi Sơn	1,76	1,76		1,76	TMD	Phường Xuân Lâm	Trích lục bản đồ địa chính số 652/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 22/9/2022	Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ	Dự án chuyển tiếp
25	Cửa hàng xăng dầu Xuân Lâm - TH	0,20	0,20		0,20	TMD	Phường Xuân Lâm	Trích lục bản đồ số 29/TLBĐ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 13/01/2021	Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh đồng ý cho phép gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ thủ tục dự án	Dự án chuyển tiếp
26	Đầu tư khu dịch vụ thương mại tổng hợp tại Khu kinh tế Nghi Sơn	0,85	0,85		0,85	TMD	Xã Hải Hà	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Hà	Quyết định số 402/UBND-THKH ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh cho phép gia hạn chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
27	Đất thương mại dịch vụ (Khu dịch vụ nhà hàng khách sạn Huy Hoàn)	2,00	2,00		2,00	TMD	Xã Tân Trường	Thửa đất số; 6, 7, 9, 10; Tờ bản đồ số 28	Quyết định số 8949/UBND-THKH ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương địa điểm thực hiện dự án	Dự án chuyển tiếp
28	Đất thương mại dịch vụ (Khu dịch vụ nhà hàng khách sạn Huy Hoàn)	1,20	1,20		1,20	TMD	Phường Hải Thượng	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 04/06/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
29	Thương mại dịch vụ (Cửa hàng xăng dầu tại xã Tùng Lâm)	0,70	0,70		0,70	TMD	Xã Tùng Lâm	Thửa đất số: 14, 15, 16, 25, 28, 41, 29, 30, 58, 42, 40, 30, 24, 23, 17, 21, 39, 43, 52, 55, 63, 61, 56, 57, 44, 43, 39, 38, 37, 32, 36, 44, 51, 50, 49, 60, 66, 65, 64, 74, 81,	Quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								73, tờ bản đồ số 43		
1.14.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp									
1	Xưởng gia công cơ khí thủy và sản xuất kinh doanh ngư lưới phục vụ hân cần nghề biển	0,95	0,95		0,95	SKC	Phường Hải Bình	Thửa đất số 136,137,138,139, tờ bản đồ số 9 bản đồ địa chính phường Hải Bình	Công văn số 1753/UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ, thủ tục thực hiện các dự án	Dự án chuyển tiếp
2	Xưởng sửa chữa tàu thuyền Minh Quân	0,17	0,17		0,17	SKC	Phường Hải Bình	Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 24 Bản đồ địa chính phường Hải Bình	Quyết định số 2618/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh quyết định gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ cho thuê đất thực hiện dự án	Dự án chuyển tiếp
3	Trạm nghiền xi măng Long Sơn	8,30	8,30		8,30	SKC	Xã Hải Hà	Thửa đất số; 95, 96 123, 124, 153, 154, 155, 156, 157, 181, 182, 183, 184, 185, 211, 212, 213, 214, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 272, 271, 358; tờ bản đồ số 3: Thửa đất số; 150; tờ bản đồ số 8	Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 về chấp thuận, điều chỉnh chủ trương dự án	Dự án chuyển tiếp
4	Nhà máy bê tông thương phẩm, cầu kiện bê tông và vật liệu xây dựng Nghi Sơn	2,57	2,57		2,57	SKC	Xã Trường Lâm	Trích lục bản đồ địa chính số 545/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 24/6/2024 (Thuộc quy hoạch phân khu của Khu kinh tế Nghi Sơn (phân khu Công nghiệp số 05))	Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
5	Nhà máy chế biến gỗ và sản lát Nghi Sơn	1,49	1,49		1,49	SKC	Xã Trường Lâm	Trích lục bản đồ địa chính số 502/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 06/6/2024 (Thuộc phân khu của KKT Nghi Sơn (phân khu Công nghiệp số 11))	Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Dự án chuyển tiếp
6	Nhà máy sản xuất, chế biến lâm sản Ngọc Nguyên	2,14	2,14	1,94	0,20	SKC	Xã Trường Lâm	Trích lục bản đồ địa chính số 635/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày	Công văn số 687/UBND-THKH ngày 13/06/2022 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời	Dự án chuyển tiếp

[illegible]

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai									
III	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch									
3.1	Đất ở tại đô thị									
1	Hạ tầng kỹ thuật khu phân lô xen cư thôn Quang Minh	0,28	0,28		0,28	ODT	Phường Hải Thanh	Đo đạc chỉnh lý số 23/ĐĐ-BĐĐC/2019 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tĩnh Gia lập ngày 27/5/2019	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
2	Khu xen cư phường Hải Thanh	0,06	0,06		0,06	ODT	Phường Hải Thanh	Trích lục bản đồ số 59/TL-BĐĐC/2023 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 22/12/2023	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
3	Nhà ở xã hội phường Bình Minh, phường Xuân Lâm	2,51	2,51		2,51	ODT	Phường Bình Minh, phường Xuân Lâm, phường Nguyên Bình	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Bình Minh và phường Xuân Lâm	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
4	Khu nhà ở đô thị tại xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, (nay là phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn)	14,83	8,50	8,50		ODT	Phường Nguyên Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 674/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 19/10/2023	Quyết định số 493/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 17/10/2024 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hoá về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ	Dự án mới
			1,20	1,20		DGD				
			1,50	1,50		DKV				
			3,63	3,63		DGT				
5	Khu tái định cư thực hiện	0,17	0,17		0,17	ODT	Phường Hải	Trích lục bản đồ	Quyết định số	Dự án

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	GPMB đường Nguyễn Văn Trỗi và một số dự án khác trên địa bàn phường Hải Hòa						Hòa	vị trí của Phòng Nông nghiệp và Môi trường ngày 12/3/2025	65/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc chuyển giao 01 cơ sở nhà, đất của Hạt giao thông thị xã Nghi Sơn về UBND thị xã Nghi Sơn quản lý, xử lý	mới
6	Hạ tầng kỹ thuật phía tây lô LK1 và LK4, Khu tái định cư Trục Lâm giai đoạn 1, thị xã Nghi Sơn	0,67	0,67		0,67	ODT	Phường Trục Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 50/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 14/3/2025	Nghị quyết số 374/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	Dự án mới
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Đông Tâm, xã Hải Nhân và Vườn Thiên, tổ dân phố Trung Chính, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn	15,66	15,66		15,66	ODT	Phường Hải Hòa, xã Hải Nhân	Trích lục bản đồ vị trí của Phòng Nông nghiệp và Môi trường ngày 12/3/2025	Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của HĐND thị xã Nghi Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng dự án	Dự án mới
3.2	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác									
1	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn	0,17	0,17		0,17	DSK	Phường Hải Hoà	Trích lục thửa đất bản đồ địa chính số 341/TL-BĐĐC/2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 23/5/2024	Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chuyển cơ sở nhà, đất cho đơn vị quản lý, sử dụng	Dự án mới
3.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo									
1	Trường mầm non phường Nguyên Bình	1,06	1,06		1,06	DGD	Phường Nguyên Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 61/TL-BĐTĐ/2024 do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Nghi Sơn lập ngày 13/11/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
3.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản									
1	Mỏ đá vôi Hoàng Mai B	51,39	51,39		51,39	SKS	Xã Trường Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 930/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 13/12/2024	Giấy phép khai thác mỏ 1099QĐ/QLTN ngày 24/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng	Dự án mới

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	4,90	4,90		4,90	SKS	Xã Tân Trường	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 598/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 22/7/2024	Công văn số 13211/UBND-NN ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện thoả thuận nhận chuyển quyền	Dự án mới
3	Khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Trường Lâm	9,45	9,45		9,45	SKS	Xã Trường Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 166/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 26/3/2025	Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Trường Lâm	Dự án mới
4	Công trình khai tác cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp (Khu vực: Bãi tập kết)	0,46	0,46		0,46	SKS	Phường Hải Châu	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 418/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 22/7/2021	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian	Dự án mới
3.5	Đất công trình giao thông									
1	Vùng quay trở tàu, vùng nước kết nối thuộc dự án cảng tổng hợp Quang Trung tại Khu kinh tế Nghi Sơn	5,48	5,48		5,11	DGT	Phường Hải Thượng	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 352/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 18/6/2021	Nghị quyết số 623/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
					0,37	DGT	Xã Hải Hà			
2	Đường vào mỏ đất san lấp	5,62	5,62		5,62	DGT	Xã Phú Lâm	Mảnh Trích đo địa chính số 05/TĐĐC-2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 31/12/2024	Công văn số 3719/UBND-CN ngày 13/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương đầu tư	Dự án mới
3	Bến xe Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn	5,05	5,05		5,05	DGT	Phường Hải Hòa; phường Ninh Hải; xã Hải Nhân	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 503/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 11/7/2022	Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư	Dự án mới
4	Các tuyến đường vào Cơ sở làm việc Công an thị xã Nghi Sơn	1,34	1,34		1,34	DGT	Phường Hải Hòa	Trích lục bản đồ vị trí của Phòng Nông nghiệp và Môi trường ngày 12/3/2025	Nghị quyết số 446/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND thị xã Nghi Sơn về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Dự án mới
5	Các tuyến đường giao thông trục chính phía Tây KKT Nghi Sơn	6,50	3,00		3,00	DGT	Xã Tùng Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tùng Lâm, xã Tân Trường	Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 04/03/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện dự án	Dự án mới
			3,50		3,50	DGT	Xã Tân Trường			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3.6	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng									
1	Nhà máy nhiệt điện LNG Nghi Sơn	68,20	68,20		68,20	DNL	Khu kinh tế Nghi Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
3.7	Đất tôn giáo									
1	Đầu tư mở rộng khuôn viên nhà thờ Giáo xứ Ba Làng	0,32	0,32		0,32	TON	Phường Hải Thanh	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 459/TLBĐ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 23/5/2024	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
2	Khôi phục và mở rộng chùa Phúc Lâm	1,20	1,20		1,20	TON	Xã Tùng Lâm	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 321/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 22/6/2020	Công văn số 15398/UBND-NN ngày 12/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương đầu tư	Dự án mới
3.8	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất, nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn quyền sử dụng đất									
3.8.1	Đất thương mại dịch vụ									
1	Khu du lịch sinh thái Hải Lĩnh tại phường Hải Lĩnh	12,80	12,80		12,80	TMD	Phường Hải Lĩnh	Tờ bản đồ số 28, 34 Bản đồ địa chính xã Hải Lĩnh tỷ lệ 1/1000 đo vẽ năm 2005	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
2	Khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Shiki Hải Lĩnh Park	17,66	17,66		17,66	TMD	Phường Hải Lĩnh	Trích đo bản đồ số 01/TĐĐC-2017, được Sở TNMT phê duyệt ngày 04/12/2017	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái bốn mùa tại phường Ninh Hải	32,00	32,00		32,00	TMD	Phường Ninh Hải	Quyết định số 5063/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái bốn mùa tại	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	Dự án mới

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								phường Ninh Hải		
3.9	Quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND xã quản lý đưa vào đấu giá									
1	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	167,74	167,74	167,74		LUC; BHK; TSL; TSN	Xã Thanh Thủy	Tờ bản đồ số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8....		
2	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	80,00	80,00	80,00		TSL	Phường Trúc Lâm	Tờ bản đồ số 11, 7, 141, 10, 12, 15, 17, 19, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 13, 14, 16, 18		
3	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	15,00	15,00	15,00		TSL	Phường Hải Châu	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất		
3.10	Công trình dự án đã thu hồi đất đăng ký KHSD đất, để thực hiện các thủ tục giao đất, thuê đất, tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất									
3.10.1	Đất ở tại đô thị									
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Đoàn Hùng	2,02	2,02	2,02		ODT	Phường Hải Bình	Thửa đất số: 1, 2, 15, 25, 26, 40, 54, 53, 52, 55, 41, 39, 38, tờ bản đồ số 32, bản đồ địa chính Hải Bình	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 06/05/2021 của HĐND thị xã Nghi Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư (đã thu hồi đất)	
2	Khu tái định cư Trúc Lâm mở rộng GD2	1,50	1,50	0,10		ODT	Phường Trúc Lâm	Thửa đất số 56, 81; tờ bản đồ số 39 phường Trúc Lâm	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đã thu hồi đất)	
3	Khu tái định cư tại phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đường bộ ven biển đoạn qua thị xã Nghi Sơn	1,10	1,10	0,45		DGT	Phường Hải Ninh	Thửa đất số 15, 116 tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính Hải Ninh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đã thu hồi đất)	
				0,65		ODT	Phường Hải Ninh			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Dự án khu Tái định cư và xen ghép dân thôn Đại Thắng	4,20	1,20	0,00		DGT	Phường Hải Lĩnh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Lĩnh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đã thu hồi đất)	
			3,00	1,20		ODT	Phường Hải Lĩnh			
5	Khu dân cư thôn Dự Quần	4,60	1,50	1,50		ODT	Phường Xuân Lâm	Thửa đất số: 6, 14, 13, 18, 26, 54, 55, 56... tờ bản đồ số 120; Thửa đất số: 13, 14, 23, 34, 38, 39, 40... tờ số 121; thửa 20, 17, 16, 22, 23, 10, 24, 11, 15, 12, 25, 27, 14, 1 2, 13 tờ 113; thửa đất số: 4, 5, 6, 7, 2, 1 tờ bản đồ số 114, bản đồ địa chính Xuân Lâm	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đã thu hồi đất)	
			3,10	3,10		DGT	Phường Xuân Lâm			
6	Khu xen ghép dân cư thôn Nhân Hưng, thôn Hồng Kỳ xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia;	2,20	2,20	2,20		ODT	phường Hải Ninh	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 69/CL-TĐBĐ-2018 và Sổ mục kê tổng hợp ngày 10/9/2018 của Văn phòng đăng ký QSD đất huyện Tĩnh Gia	Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 khu xen ghép dân cư thôn Nhân Hưng và thôn Hồng Kỳ xã Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố Đức Thành	4,96	3,16	3,16		ODT	Phường Ninh Hải	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Ninh Hải	Các Nghị quyết của HĐND thị xã: số 277/NQ-HĐND ngày 30/07/2021; số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024	
			1,80	1,80		DGT				
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu tổ dân phố Vạn Thắng 1	3,00	1,42	0,62	0,80	ODT	Phường Nguyên Bình	Thửa 269, 271, 273, 276, 368, 369.. Tờ bản đồ số 37; thửa 122, 121, 120, 123, 124, 125, 142, 141, 139, 138, 143, 145, 140, 144, 146, 147, 160, 159, 156, 162, 163, 165, 180, 177, 184, 187, 199, 197, 207, 208, 217, 216, 215, 214, 213, 228, 227, Tờ 38 bản đồ địa chính Nguyên Bình	Nghị quyết số 288/NQ-HĐND ngày 30/07/2021 của HĐND thị xã Nghi Sơn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	
			1,58	1,58	0,00	DGT	Phường Nguyên Bình			
9	Khu dân cư thôn Đông Tiến và	13,60	10,10	10,10		ODT	Phường Bình	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử	Quyết định số 2770/QĐ-UBND	

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	thôn Phú Minh		3,50	3,50		DGT	Minh	dụng đất phương Bình Minh	ngày 14/05/2020 của UBND Tỉnh Gia về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
3.10.2	Đất ở tại nông thôn									
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới thôn Nhật Tân xã Thanh Thủy, thị xã Nghi Sơn	3,65	1,10	1,10		DGT	Xã Thanh Thủy	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thanh Thủy	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đã thu hồi đất)	
			2,55	2,55		ONT	Xã Thanh Thủy			
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trung Sơn - Sơn Thượng	0,80	0,80	0,80		ONT	Xã Thanh Sơn	Thửa đất số 193,194,195,196,197,198,199,221,222,223,224,225,226,249,250,251,252,253,254,255,272,273,274,275,276,277,219,220,247,248,271,295,279,298,299,300,330,329,328,327,326,355,354,353,352,351,381,380,358,356,357,384,383,382,403,404,428,427,426,453,452,451,192,190,188,189,216,217,218,295,296; tờ bản đồ số 15	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 (đã thu hồi đất)	
3	MB phía Nam ông Hoàng và phía đông ông Hoan	0,43	0,43	0,06		ONT	Xã Thanh Thủy	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thanh Thủy	Quyết định số 7910; 7930; 7931; 7932; 7933; 7934; 7935 ngày 23/10/2020; 7936; 7937; 7938; 7939; 7940; 7941; 7942; 7943/QĐ-UBND của UBND thị xã Nghi Sơn ngày 23/10/2020 về việc thu hồi đất thực hiện dự án (đã thu hồi đất)	
4	MB khu vực cầu Lờ thôn Tào Sơn	0,33	0,33	0,25		ONT	Xã Thanh Thủy	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thanh Thủy	Quyết định số 2151; 2152; 2153; 2154; 2155; 2156; 2157; 2158; 2159; 2160; 2161; 2162/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 về việc thu hồi đất	

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									thực hiện dự án chi tiết KDC xã Thanh Thủy (đã thu hồi đất)	
IV	Các công trình, dự án không tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 76 Luật Đất đai năm 2024									
3.11.1	Đất ở tại nông thôn									
1	Khu đô thị tại phường Hải Hòa, Ninh Hải và xã Hải Nhân	58,00	58,00	7,86	50,14	ONT; ODT; DVH; DKV; DYT; DGD; DGT; TMD	Xã Hải Nhân, Hải Hòa, Ninh Hải	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Nhân, phường Ninh Hải, phường Hải Hoà	Công văn số 5181/UBND-THKH ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc giao triển khai thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 4296/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt QH chi tiết 1/500 dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Hạ tầng kỹ thuật khu xen cư xã Nghi Sơn	1,90	1,90		1,90	ONT	Xã Nghi Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất xã Nghi Sơn	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3	Khu dân cư thôn Thống Nhất	0,98	0,98		0,98	ONT	Xã Các Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Các Sơn	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.2	Đất ở tại đô thị									
1	Khu dân cư tổ dân phố Hồng Phong, phường Hải Ninh (khu số 1)	3,50	2,50		2,50	ODT	Phường Hải Ninh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Ninh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Quyết định số	Chưa có Nghị quyết của HĐND
			1,50		1,50	DGT	Phường Hải Ninh			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									9394/QĐ/UBND ngày 24/08/2021 của UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	tỉnh
2	Khu dân cư tổ dân phố Hồng Phong, phường Hải Ninh (khu số 2)	10,00	3,50		3,50	DGT	Phường Hải Ninh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Ninh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Quyết định số 9406/QĐ/UBND ngày 24/08/2021 của UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			6,50		6,50	ODT	Phường Hải Ninh			
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố Hồng Kỳ, phường Hải Ninh	8,10	5,50		5,50	ODT	Phường Hải Ninh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Ninh	Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 06/05/2021 của HĐND thị xã Nghi Sơn về việc chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			2,60		2,60	DGT	Phường Hải Ninh			
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố 3	2,20	2,20		2,20	ODT	Phường Hải An	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải An	Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 30/07/2021 của HĐND thị xã Nghi Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									công năm 2024	
5	Hạ tầng kỹ thuật khu xen cư TDP Phú Thịnh, phường Hải Lĩnh	0,25	0,25		0,25	ODT	Phường Hải Lĩnh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất Hải Lĩnh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
6	Khu tái định cư thôn Sơn Hải	8,50	5,00		5,00	ODT	Phường Ninh Hải	Thửa đất số 76,77,78,79,80,113,114,115,116, 117 tờ bản đồ số 2; thửa đất số: 73,33,34,35,47,49,50,51,69,70,71,72; tờ bản đồ số 3; thửa đất số: 88,89,90, tờ bản đồ số 6; thửa đất số: 58,86,94; tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính Ninh Hải	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 30/06/2020 của HĐND thị xã về việc chấp thuận chủ trương; Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			3,50		3,50	DGT	Phường Ninh Hải			
7	Khu tái định cư xã Hải Yến thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn tại phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn.	11,60	5,30		5,30	DGT	Phường Nguyên Bình	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Nguyên Bình	Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			6,30		6,30	ODT	Phường Nguyên Bình			
8	Khu dân cư phía Nam đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh hóa	18,46	0,86		0,86	ODT	Phường Bình Minh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Bình Minh, Xuân Lâm, Nguyên Bình	Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			0,60		0,60	ODT	Phường Xuân Lâm			
			17,00		17,00	ODT	Phường Nguyên Bình			
9	Khu dân cư tổ dân phố Thanh Khánh	11,00	8,50		8,50	ODT	Phường Bình Minh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Bình Minh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã	Chưa có Nghị quyết
			2,50		2,50	DGT	Phường Bình			

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
							Minh		Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024. Quyết định số 14772/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	của HĐND tỉnh
10	Khu xen cư thôn các thôn: Quang Minh, Thanh Đông, Thượng Hải	0,50	0,50		0,50	ODT	Phường Hải Thanh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất xã Hải Thanh	Nghi quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
11	Khu dân cư đô thị mới kết hợp tái định cư tại mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư phường Hải Bình	20,48	14,58		14,58	ODT	Phường Hải Bình	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Lnh	Công văn số 983/CV-VPTU ngày 13/07/2021 của tỉnh ủy Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất; Quyết định số 12040/UBND-THKH ngày 10/08/2021 của UBND tỉnh giao thực hiện triển khai	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			0,80		0,80	TMD				
			5,10		5,10	DGT				
12	Nạo vét, thanh thải dải đá ngầm luồng tàu khu vực cảng cá và khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn; thuộc mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư đô thị mới kết hợp tái định cư tại phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn được UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt tại Quyết định số 9439/QĐ-UBND ngày 29/9/2022”	3,60	3,60		3,60	ODT	Phường Hải Bình	Thửa đất số: 27, 29, 28, 47, 30, 31, 46, 45, 44, 33, 35, 34, 41, 40, 37, 55, 54, 43, 51, 52, 53, 61, 214, 60, 209, 218, 48, 49, 64, 65, 86, 85, 88, 109, 110, 111, 112, 114, 113, 139, 140, 141, 142, 50, 63, 62, 70, 71, 78, 94, 93, 79, 81, 80, 83, 92, 69, 68, 67, 66, 84, 83, 89, 90, 91, 103, 122, 121, 120, 119, 105, 106, 107, 108, 115, 116, 117, 118, 137, 152, 158, 159, 151, 150, 149, 148, 138; từ bản đồ số 13	Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 phê duyệt dự án đầu tư tại quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Khu dân cư tổ dân phố Sơn Hải	0,93	0,93		0,93	ODT	Phường Bình Minh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Bình Minh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024. Quyết định số 4720/QĐ-UBND ngày 25/07/2018 của UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.3	Đất cơ sở văn hóa									
1	Nhà văn hóa thôn Phú Đông	0,17	0,17		0,17	DVH	Phường Hải Lĩnh	Thửa đất số: 185, 184, 192, 193, 412, 217; tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính phường Hải Lĩnh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Hồng Phong	0,30	0,30		0,30	DVH	Phường Hải Lĩnh	Thửa đất số: 58, 79, 80, 92, 93, 113, 61, 94; tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính phường Hải Lĩnh	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3	Nhà văn hóa thôn Thượng Bắc, xã Hải Nhân	0,36	0,36		0,36	DVH	Xã Hải Nhân	Thửa đất số: 5, 6, 7, 8, 9, 35, 34; tờ bản đồ số 41, bản đồ địa chính xã Hải Nhân	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
4	Nhà văn hóa tổ dân phố Nhân Hưng	0,31	0,31		0,31	DVH	Phường Hải Hòa	Thửa đất số: 959, 958, 957, 1024, 956, 955, 954, 953, 1025, 1026, 1027, 1040, 1039, 1038, 1037, 1036, 1105; tờ bản đồ số 47, bản đồ địa chính phường Hải Hòa	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND phường Hải Hòa về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
5	Nhà văn hóa tổ dân phố Giang	0,27	0,27		0,27	DVH	Phường Hải	Thửa đất số: 229, 228, 227, 205,	Nghị quyết số	Chưa có

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Sơn						Hòa	206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 270, 320, 271, 322, 324, 325, 326, 327, 328, tờ bản đồ số 50 bản đồ địa chính phường Hải Hòa	67/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND phường Hải Hòa về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh
6	Nhà văn hóa Hồ Thượng	0,30	0,30		0,30	DVH	Phường Tân Dân	Thửa đất số: 85, 176, 83, 163, 160, 161, 175, 174, 172, 173; tờ bản đồ số: 04 bản đồ địa chính phường Tân Dân	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
7	Khu Tưởng niệm xã Tân Trường (phục vụ GPMB dự án Đường cao tốc Bắc Nam)	0,15	0,15		0,15	DVH	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Công văn số 12466/UBND-THKH ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh chấp thuận địa điểm	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
8	Nhà văn hóa thôn Thanh Tân	0,20	0,20		0,20	DVH	Xã Phú Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Phú Lâm	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
9	Nhà văn hóa thôn Đại Đồng	0,11	0,11		0,11	DVH	Xã Phú Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Phú Lâm	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
10	Nhà văn hóa thôn Thịnh Hùng	0,09	0,09		0,09	DVH	Xã Phú Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Phú Lâm	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
11	Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường	0,15	0,15	0,00	0,15	DVH	Phường Hải	Trích lục thửa đất số 52/TL-	Nghị quyết số	Chưa có

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Hải An, thị xã Nghi Sơn						An	BĐĐC/2024 ngày 10/9/2024 do Chi nhánh VPĐKĐĐ Thị xã Nghi Sơn thực hiện	336/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về chủ trương đầu tư dự án	Nghị quyết của HĐND tỉnh
12	Nhà văn hóa tổ dân phố Đông Hải	0,37	0,37		0,37	DVH	Phường Hải Hòa	Thửa đất số: 703, 704, 705, 708, 709, 755, tờ bản đồ số 47, bản đồ địa chính phường Hải Hòa	Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường bộ ven biển (dự án hoàn trả)	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
13	Hội trường UBND xã Thanh Thủy	0,46	0,46		0,46	DVH	Xã Thanh Thủy	Thửa đất số 63, 79, 80, 81... tờ bản đồ số 63, bản đồ địa chính xã Thanh thủy	Nghị quyết số 368/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của HĐND tỉnh phân bổ ngân sách trung ương cho tỉnh Thanh Hóa để thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2023	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.4	Đất cơ sở y tế									
1	Trạm y tế xã Nghi Sơn thị xã Nghi Sơn	0,13	0,13		0,13	DYT	Xã Nghi Sơn	Thửa đất số: 15, 12, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Nghi Sơn	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thị xã Nghi Sơn về chủ trương đầu tư xây dựng công trình	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Trạm y tế xã Tân Trường	0,48	0,48		0,48	DYT	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Nghị quyết số 335/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới Trạm y tế xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn;	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo									
1	Trường mầm non xã Hải Nhân	1,05	1,05		1,05	DGD	Xã Hải Nhân	Tờ bản đồ số 40; thửa đất số 190, 153, 236, 277,	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày	Chưa có Nghị

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								1222, 317, 347, 318, 348, 349, 152, 350. BĐĐC xã Hải Nhân	22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	quyết của HĐND tỉnh
2	Trường mầm non Nhân Tâm	0,42	0,42		0,42	DGD	Phường Mai Lâm	Trích lục bản đồ số 446/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thanh Hóa lập ngày 11/8/2016	Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao									
1	Sân vận động thể thao và Nhà thi đấu đa năng xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn	1,80	1,80		1,80	DTT	Xã Hải Nhân	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Công văn số 10428/UBND-THKH ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao việc chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các xã, phường, thị trấn	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.7	Đất khu công nghiệp									
1	Bãi tập kết vật tư, nguyên vật liệu trong KCN số 4	10,00	10,00		10,00	SKK	Xã Tân Trường	Thửa đất số: 230, 237, 232, 236, 239, 240, 250, 249, 242, 243, 246, 247, 248, 251, 253, 257, 258, 261, 262, 264, 268, 273, 274, 278, 281, 286, 287, 296, 295, 294, 260, 259, 265, 266, 267, 277, 276, 275, 293, 290, 291, 298, 299, 255, 188, 256, 189, 190, 263, 269, 270, 272, 271, 279, 280, 288, 289, 273, 297, 205, 206, 207, 223, 224, 245..., Tờ bản đồ số 80	Quyết định số 9181/QĐ-UBND-KH ngày 29/06/2021 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Nhà máy sản xuất và chế biến hạt giống công nghiệp Việt Thành	1,41	1,41		1,41	SKK	Xã Trường Lâm	Thửa đất số: 285, 286, 297, 288, 289, 290, 317; tờ 108 bản đồ địa chính Trường Lâm	Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ cho thuê đất	Chưa có Nghị quyết của HĐND

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
										tỉnh
3	Khu cơ khí chế tạo sửa chữa phục vụ Khu liên hợp Gang thép Nghi Sơn	5,00	5,00		5,00	SKK	Phường Hải Thượng	Thửa đất số: 5, 28, 27, 26, 25, 24, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 4, 23, 5, 21, 22, 30, 29, 23, 22, 24, 62, 63, 93, 92, 91, 94, 95, 116, 115, 60, 64, 65, 59, 58, 66, 90, 67, 96, 39, 56, 69, 54, 99, 88, 87, 86, 85, 68, 84, 187, 82, 82, 83, 84, 70, 79, 80, 72, 192, 50, 51, 49, 48, 46, 47, 65, 12, 183, 13, 15, 14, 45, 1, 145, 21, 148. Tờ bản đồ số 57	Quyết định số 1753/UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh đồng ý gia hạn thời gian	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
4	Nhà máy bê tông thương phẩm, cầu kiện và sửa chữa cơ giới CMC Hà Nội	5,51	5,51		5,51	SKK	Phường Hải Thượng	Thửa đất số: 07, 09, 06, tờ bản đồ số 2; thửa đất số: 05, 12, 09 tờ 11 bản đồ địa chính phường Hải Thượng	Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 26/06/2021 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
5	Kho xăng dầu Hưng Yên - Nghi Sơn	4,20	4,20		4,20	SKK	Xã Hải Yến	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Yến	Quyết định số 1753/QĐ-UBND-THKH ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh đồng ý cho phép gia hạn thời gian hoàn thành	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
6	Nhà máy sản xuất vôi công nghiệp Huy Hoàn	3,15	3,15		3,15	SKK	Xã Tân Trường	Thửa đất số: 123, 111, 103, 102, 97, 98, 99, 100, 114, 115, 126, 125, 124, 127, 128, 139, 138, 143, 155, 144, 154, 145, 170, 169, 174, 200, 187, 188, 199, 189, 175, 182, 168, 113, 112, 101, 182, 168, 190, 208, 210, 167, 191, 198, 209, 153, 152, 146, 147, 150, 151, 165, 166, 176, 177, 178, 195, 196, 197,	Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh

[illegible]

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mỏ cát số 211 xã Các Sơn	14,30	14,30		14,30	SKS	Xã Các Sơn	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Các Sơn	Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 16/06/2021 của UBND tỉnh phê duyệt phương án đấu giá	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Khai thác cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp	6,68	4,80		4,80	SKS	Phường Hải Bình	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Bình, phường Hải Thanh	Quyết định số 3737/UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			1,88		1,88	SKS	Phường Hải Thanh			
3	Đất khai thác khoáng sản	7,20	7,20		7,20	SKS	Xã Phú Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Phú Lâm	Công văn số 12147/UBND-CN ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh gia hạn chủ trương đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
4	Khu khai thác khoáng sản sét để làm nguyên liệu cho nhà máy gạch Ceramic	5,20	5,20		5,20	SKS	Xã Các Sơn	Trích lục bản đồ số 264/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh lập ngày 13/07/2011	Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 của UBND tỉnh về việc cấp GPKT khoáng sản và cho thuê đất đối với tổng công ty đầu tư và phát triển đô thị	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
5	Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng tại xã Trường Lâm	17,85	17,85		17,85	SKS	Xã Trường Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Trường Lâm	Các Quyết định của UBND tỉnh: số 3763/QĐ-UBND ngày 11/09/2020; số 1859/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 về việc chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
6	Khai thác đá, sản xuất, chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường, sản xuất bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng	12,31	12,31		12,31	SKS	Xã Trường Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Trường Lâm	Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh điều chỉnh tiến độ	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Đầu tư xây dựng công trình khai thác cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp tại phường Hải Châu	4,88	4,88		4,88	SKS	Phường Hải Châu	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Châu, phường Hải Ninh	Quyết định số 4588/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
		3,50	3,50		3,50	SKS	Phường Hải Ninh			
8	Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường	6,70	6,70		6,70	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Các Quyết định của UBND tỉnh: số 3381/QĐ-UBND ngày 08/09/2017 phê duyệt chủ trương; số 2657/QĐ-UBND ngày 16/07/2021; số 660/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 về điều chỉnh chủ trương	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
9	Mở rộng khai trường mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường	0,25	0,25		0,25	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Quyết định số 7313/UBND-CN ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
10	Khai thác mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường	22,68	22,68		22,68	SKS	Xã Tân Trường	Thửa đất số: 05 tờ bản đồ 05; thửa đất số: 175,130, 143, tờ bản đồ số: 06 BĐĐC xã Tân Trường	Các Quyết định của UBND tỉnh: số 2420/QĐ-UBND ngày 25/06/2020; số 3347/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 về việc chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
11	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường	9,77	9,77		9,77	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Các Quyết định của UBND tỉnh: số 4966/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 1134/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 về chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
12	Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp phục vụ cho các dự án trên địa bàn KKT Nghi Sơn và các vùng lân cận	20,29	20,29		20,29	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Các Quyết định của UBND tỉnh: số 1798/QĐ-UBND ngày 31/05/2021; số 1520/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 về chấp thuận, điều	Chưa có Nghị quyết của HĐND

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									chính chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	tỉnh
13	Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	4,90	4,90		4,90	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Văn bản số 4916/UBND-CN ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
14	Khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	4,52	4,52		4,52	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận điều chỉnh chủ trương dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
15	Khai trường mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Tam Sơn, xã Tân Trường	3,50	3,50		3,50	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
16	Mở rộng diện tích đất khai trường mỏ vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường	3,63	3,63		3,63	SKS	Xã Tân Trường	Trích lục bản đồ địa chính số: 21, 22 tỷ lệ 1/2000, tờ bản đồ số: 58, 59, 66 tỷ lệ 1/500 và tờ số: 123 tỷ lệ 1/500, đo vẽ năm 2011 2011	Văn bản số 15940/UBND-NN ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc Công ty TNHH Giao thông Thủy lợi Giang Sơn xin mở rộng diện tích đất khai trường mỏ vật liệu xây dựng thông thường	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
17	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường	5,41	5,41		5,41	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Văn bản số 6860/UBND-CN ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh về việc bổ sung mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
18	Mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7,50	7,50		7,50	SKS	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 phê duyệt trữ lượng khoáng đất làm vật liệu	Chưa có Nghị quyết

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									san lấp trong	của HĐND tỉnh
3.11.9	Đất công trình giao thông									
1	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông đoạn từ QL 1A đi Kênh Nam, xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn	1,60	1,60		1,60	DGT	Xã Hải Nhân	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Nhân	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND thị xã Nghi Sơn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Đường Âu thuyền từ cầu Đò Bè đến thôn Xuân Tiến	1,20	1,20	1,00	0,20	DGT	Phường Hải Thanh	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Thanh	Công văn số 2316/UBND-KTHT ngày 21/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện phê duyệt chủ trương	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3	Đường giao thông từ đường sắt đến QL1A và mương tưới từ cầu B đi đồng Giấy, xã Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	0,11	0,11		0,11	DGT	Xã Tùng Lâm	Tờ bản đồ số: 41, 50, 51, tỷ lệ 1/500 và tờ bản đồ số 100, 106, tỷ lệ 1/1000, phê duyệt năm 2011 xã Tùng Lâm	Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Nghi Sơn năm 2023	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
4	Tuyến đường vận chuyển nguyên liệu đá vôi, sét phục vụ nhà máy xi măng đại dương tại KKT nghi sơn	34,22	34,22		34,22	DGT	Xã Tân Trường	Tờ bản đồ số 24,25,31,30, bản đồ địa chính xã Tân Trường	Quyết định số 14889/UBND-THKH ngày 24/09/2021 của UBND tỉnh thống nhất chủ trương điều chỉnh chiều dài tuyến	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
5	Đầu tư xây dựng cảng chuyên dụng Công Thanh tại KKT NS - TH	22,50	14,90 7,60	13,92	0,98 7,60	DGT DGT	Xã Hải Yến Phường Hải Thượng	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Yến, và phường Hải Thượng	Công văn số 17542/UBND-THKH ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ, thủ tục đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Tuyến đường giao thông N5 kết nối đường Nghi Sơn - Bãi Trành với dự án nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương tại Khu kinh tế Nghi Sơn	0,91	0,91		0,91	DGT	Xã Tùng Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tùng Lâm	Công văn số 8626/UBND-CN ngày 20/6/2023 về việc chấp thuận đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
7	Bến cảng chuyên dùng phục vụ kho đầu mối LPG và kho nhựa đường lỏng tại Khu kinh tế Nghi Sơn (Tân Thành 8)	6,80	6,80	3,00	3,80	DGT	Phường Hải Thượng	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Thượng	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh tiến độ đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
8	Đường vào Nghĩa Trang Hải Lĩnh	0,25	0,25		0,25	DGT	Phường Hải Lĩnh		Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Nghi Sơn khóa XX, kỳ họp thứ 6 về chủ trương đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
9	Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ di dân tái định cư tại xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn	8,40	8,40		8,40	DGT	Phường Hải Bình	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Bình	Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
10	Bổ sung tuyến đường kết nối hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Đồng Tâm xã Hải Nhân và khu dân cư Đập Đá phường Hải Hòa, tuyến mương tiêu thoát nước và điều chỉnh tuyến đường giao thông nội khu mặt bằng khu dân cư mới thôn Đồng Tâm xã Hải Nhân	0,02	0,02		0,02	DGT	Xã Hải Nhân	Thửa 140 tờ 45 BDDC xã Hải Nhân; Thửa 21 tờ 13 BDDC phường Hải Hòa	Quyết định số 3722/UBND-QLĐT ngày 10/09/2021 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc đồng ý chủ trương đầu tư	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
		0,01	0,01		0,01	DTL	Xã Hải Nhân			
		0,03	0,03		0,03	DGT	Phường Hải Hòa			
11	Xây dựng, khai thác và kinh doanh các bến cảng số 3,4,5 - Nghi Sơn	0,07	0,07		0,07	DGT	Xã Hải Hà	Thửa đất số: 412, Tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Hải Hà	Quyết định số 12011/UBND-THKH ngày 10/08/2021 của UBND	Chưa có Nghị quyết

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									tỉnh về việc đồng ý chủ trương điều chỉnh dự án	của HĐND tỉnh
12	Phần diện tích đất ngoài mốc giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất vật liệu bảo ôn và tấm thạch cao Long Sơn tại xã Tân Trường, TX Nghi Sơn	1,19	1,19		1,19	DGT	Xã Tân Trường	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Tân Trường	Công văn số 741/UBND-NN ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất ngoài mốc giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất vật liệu bảo ôn và tấm thạch cao Long Sơn	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên									
1	Tu bổ, tôn tạo và mở rộng khu di tích lịch sử cách mạng, nơi thành lập chi bộ Đảng Cộng Sản đầu tiên huyện Tĩnh Gia giai đoạn 2	0,11	0,11		0,11	DDD	Phường Tân Dân	Thửa 1352, 1354, 1360, 1359, 1353, 1351, 1362, 1420 tờ số 04 bản đồ địa chính phường Tân Dân	Quyết định số 12568/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 từ nguồn ngân sách thị xã Nghi Sơn quản lý	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.11	Đất công trình xử lý chất thải									
1	Khu xử lý chất thải tập chung Nghi Sơn	80,84	80,84	28,00	52,84	DRA	Xã Trường Lâm	Tờ 26, 27, 31, 32, bản đồ xã Trường Lâm năm 2011 và Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Trường Lâm	Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận mở rộng dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3.11.12	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng									
1	Di chuyển và nâng cao khoảng cách an toàn các đoạn tuyến đường điện và TBA ảnh hưởng đề GPMB thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Quảng Xương - Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT	0,02	0,02		0,02	DNL	Các phường Hải Châu, Hải Lĩnh, Hải Ninh, Hải An, Tân Dân	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Châu, phường Hải Ninh, phường Hải An, phường Tân Dân, phường Hải Lĩnh	Quyết định số 12527/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND thị xã Nghi Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp 110kV Tỉnh Gia 2, Thanh Hóa	0,01	0,01		0,01	DNL	Xã Phú Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Phú Lâm	Quyết định số 4557/QĐ-BCT ngày 12/12/2016 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Đường dây và trạm biến áp 110kV Tỉnh Gia 2, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Tín dụng ngành điện lần 3 (PSL3) vay vốn JICA4	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
3	Xây dựng xuất tuyến 22kV lộ 474 sau TBA 110kV Tỉnh Gia 2	0,04	0,02		0,02	DNL	Phường Trúc Lâm	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Trúc Lâm, phường Tĩnh Hải	Quyết định số 1335/QĐ-EVNNPC ngày 03/06/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt dự án và tạm giao vốn	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
			0,02		0,02	DNL	Phường Tĩnh Hải			
4	Cải tạo mạch vòng 22KV sau trạm 110 KV Tỉnh Gia	0,01	0,01		0,01	DNL	Phường Mai Lâm, phường Hải Thượng (xã Hải Yên cũ), xã Hải Hà	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất phường Mai Lâm	Quyết định số 1292/QĐ-EVNPC ngày 15/6/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình đầu tư xây dựng năm 2024 cho Công ty Điện lực Thanh Hoá	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
5	Chống quá tải giảm thất lưới điện lực Nghi Sơn	0,03	0,03		0,03	DNL	Các phường Hải Thanh, Hải Hòa, Bình Minh, Hải Thượng; các xã Tân Trường và Hải Hà	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất	Quyết định số 1292/QĐ-EVNPC ngày 15/6/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình đầu tư xây dựng năm 2024 cho Công ty Điện lực Thanh Hoá	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh
6	Xây dựng xuất tuyến 22KV lộ 472,474 và 476 sau TBA 110kV Tỉnh Gia	0,01	0,01		0,01	DNL	Các xã: Tân Trường, Trường Lâm, Hải Hà; các phường Xuân Lâm, Tân Dân, Hải	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất	Quyết định số 2289/QĐ-EVNPC ngày 05/10/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình đầu tư xây dựng năm 2024 cho Công ty Điện lực Thanh Hoá	Chưa có Nghị quyết của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng Thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích ngoài mốc để thực hiện đầu tư nạo vét luồng dự án Cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn	14,65	14,65		14,65	MNC	Phường Hải Thượng	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hải Thượng và xã bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Hà	Thông báo kết luận số 151/TB-UBND ngày 31/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện dự án	Chưa có Nghị quyết HĐND tỉnh
						MNC	Xã Hải Hà			